



CÔNG TY CỔ PHẦN
VĂN HOÁ TÂN BÌNH

2019
**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**



Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty ALTA

Kính thưa Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, Quý khách hàng thân tín cùng toàn thể đội ngũ công nhân viên chức Công ty ALTA;

Đại diện ban lãnh đạo Công ty ALTA, Chúng tôi xin chân thành gửi tới Quý vị lời cảm ơn chân thành trong suốt những năm qua; Cảm ơn quý cổ đông, quý nhà đầu tư đã luôn hợp tác và đồng hành cùng ALTA trong thuận lợi và trong cả những lúc khó khăn nhất; Cảm ơn quý khách hàng đã luôn tin dùng sản phẩm ALTA và Cảm ơn toàn thể công nhân viên chức cũng đã luôn biết chia sẻ khó khăn, đoàn kết gắn bó vì mục tiêu phát triển Công ty;

Nhìn lại quá trình vận hành của năm 2019, ALTA đã cơ bản hoàn thiện nền tảng, cơ cấu doanh nghiệp được quản trị - điều hành theo hướng hiện đại "Khuyến khích chủ động, sáng tạo và hiệu quả trong mọi hoạt động công ty" phù hợp với môi trường kinh doanh thực tại và chuyển dần sang giai đoạn phát triển, Chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ và kết thúc tài khóa 2019 với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đáng khích lệ :

- Doanh thu thuần đạt 201,55 tỷ đồng, tăng 28,78% so với năm 2018, vượt 11,97% so với kế hoạch;
- Lợi nhuận sau thuế 8,4 tỷ đồng, tăng 21,02% so với kế hoạch;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019 là 9% /cp, tăng so với năm 2018 là 8%.

Tuy nhiên niềm vui chưa tròn Đại dịch COVID-19 lại đến sớm với Đất Nước ta; và đang mang đến nhiều biến cố và thử thách chưa từng xảy ra trong lịch sử. Số liệu tổng hợp sơ bộ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại các Tỉnh,

Thành phố cho thấy, có hàng triệu người lao động Việt Nam bị ảnh hưởng, mất việc làm do doanh nghiệp thu hẹp hoặc tạm dừng hoạt động ...

Thời điểm này, các doanh nghiệp gặp vô vàn những khó khăn và cũng là thời khắc sinh tồn khi phải lựa chọn thích nghi hay bỏ cuộc. Nhưng, ALTA quyết định chọn con đường hành động để thích nghi và vươn lên trong khủng hoảng.

Kính thưa Quý vị,

Bằng cách chủ động ngay bây giờ, Chúng ta có thể đặt ALTA ở vị trí an toàn hơn để luôn đứng vững, phục hồi nhanh và phát triển hơn khi cơn khủng hoảng lắng xuống. Dưới đây là 4 chiến lược hành động chủ yếu được HĐQT đề nghị với cái nhìn tâm huyết có thể giúp doanh nghiệp chúng ta vững vàng và tự tin vượt qua đại dịch Covid-19.

Một là, tiếp tục thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp một cách toàn diện và tái cấu trúc từng công ty con hoặc bộ phận doanh nghiệp thông qua việc cải tiến tổ chức bộ máy, quy trình; xây dựng chiến lược kinh doanh, phát triển sản phẩm mới; đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động... để chuẩn bị cho một giai đoạn phát triển cao hơn khi dịch bệnh kết thúc. Alta thúc đẩy cơ cấu sản phẩm mới theo định hướng công nghệ số sáng tạo, thân thiện môi trường, an toàn vệ sinh và y tế cộng đồng...

Tích cực đầu tư sử dụng các công cụ quản lý doanh nghiệp hiện đại. Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu dưới tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 thì việc sử dụng các công cụ quản lý doanh nghiệp hiện đại là yêu cầu cấp bách để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Ngoài việc thực hiện các chính sách xã hội về lao động, khuyến khích nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả lao động; ALTA cần Quan tâm thực hành đào tạo và đào tạo lại đội ngũ nhân viên và kỹ thuật để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển doanh nghiệp trong hiện tại và tương lai

Hai là, thực hiện chuyển đổi số trong mọi hoạt động doanh nghiệp; vì chúng ta bắt đầu giai đoạn phải sống chung với Dịch nhưng hoạt động phải an toàn; Mặt khác, dịch bệnh cũng buộc các doanh nghiệp phải chuyển đổi sang phương thức hoạt động mới như làm việc trực tuyến online, làm việc từ xa không tập trung tại trụ sở cố định; các lĩnh vực kinh doanh thương mại điện tử, giao hàng nhanh đã thể hiện tính ưu việt của phương thức kinh doanh dựa trên nền tảng số. Doanh nghiệp nào chậm chân trong chuyển đổi số sẽ thất bại”

Mạnh dạn tìm hướng đi mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thay đổi cách thức marketing và bán hàng theo phương thức số một cách đa dạng và hữu hiệu. đồng thời điều chỉnh việc bán hàng cho phù hợp với mọi hoàn cảnh khó khăn và thiết kế marketing làm sao có thể cùng đồng hành tìm cách giải quyết những thách thức và lo lắng của khách hàng

Ba là nắm bắt các kênh bán hàng mới: Tiếp tục củng cố và mở rộng thị trường nội địa truyền thống đồng thời tích cực tái hoạt động xúc tiến ngoại thương đón đầu Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVIPA) vì Alta đã có quá trình 10 năm sản xuất bao bì nhựa xuất khẩu vào thị trường EU. Như vậy, hiệp định EVFTA và EVIPA sẽ mở ra một cơ hội mới cho ALTA nếu doanh nghiệp có sự chuẩn bị tốt, sẵn sàng tâm thế đón đầu cho lợi ích mà các Hiệp định mang lại.

Bốn là thực hiện các khoản đầu tư dài hạn: khởi động các dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân chức Công ty trong giai đoạn này thích hợp và cũng là cơ hội trong lúc các mục tiêu ngắn hạn của công ty có thể bị đình trệ và đây cũng là lúc ALTA đánh giá lại cách vận hành, nền tảng và quy trình của Công ty thực hiện một số kế hoạch chiến lược dài hạn.

Kính thưa Quý vị,

Thế giới sau đại dịch không còn là thế giới của hôm nay. Một thế giới sẽ thay đổi và để thích ứng với điều đó thì ALTA cũng phải thay đổi, định vị lại mình, tái cấu trúc về chiến lược, quản trị và phát triển chăm sóc nguồn nhân lực vì chính họ là mấu chốt để thành công ; Mọi thành viên ALTA cũng cần thay đổi tư duy kinh doanh trong bối cảnh mới, lấy sức ép về cạnh tranh là động lực để đổi mới và phát triển. Dũng cảm đương đầu với Dịch họa để sẵn sàng nắm bắt Cơ hội vàng Chúng ta chắc chắn sẽ chiến thắng.

Với Slogan “ ALTA, là người bạn liên kết chân thành “ ALTA luôn xiết chặt đội ngũ và sẵn sàng chung vai sát cánh cùng với Quý Cổ đông, Quý khách hàng tiềm năng, Đối tác kinh doanh và đầu tư trong mọi hoàn cảnh đặc biệt là lúc nguy cơ Dịch họa đang tiếp diễn; Sự đoàn kết và hợp tác của Quý vị là điều kiện tiên quyết cho thành công của chúng ta.

Với ý chí, nghị lực và sự đoàn kết của toàn thể cổ đông và công nhân viên chức Alta cùng đầu tư với Ban lãnh đạo Công ty chắc chắn sẽ tạo ra bản lĩnh ALTA và tự tin vượt khó với triển vọng tâm đồng, ý hợp cùng nhau xây dựng ngôi nhà Alta phát triển bền vững.

Một lần nữa, Ban lãnh đạo Alta xin kính gửi đến Quý vị và gia đình lời kính chúc An lành, Mạnh khỏe và Hạnh phúc trong cuộc sống.

Trân trọng!

HOÀNG VĂN ĐIỀU



MỤC LỤC

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG	6
Thông tin khái quát	8
Quá trình hình thành và phát triển	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	16
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	18
Định hướng phát triển	20
Các rủi ro	22
 PHẦN 2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019	 24
Tình hình sản xuất kinh doanh	26
Tình hình tài chính	28
Tình hình đầu tư	32
Tổ chức và nhân sự	34
Cơ cấu cổ đông và vốn chủ sở hữu	42
 PHẦN 3. ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	 44
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	46
Tình hình quản trị tài sản, nguồn vốn	48
Kế hoạch kinh doanh năm 2020	50
 PHẦN 4. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	 52
Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt của Công ty	52
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc điều hành Công ty	56
Kế hoạch năm 2020	58
 PHẦN 5. QUẢN TRỊ CÔNG TY	 60
Hội đồng quản trị	62
Ban Kiểm soát	64
Đào tạo về quản trị công ty	64
 PHẦN 6. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	 66
 PHẦN 7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	 100



THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

-
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình
-
- Tên viết tắt: ALTA Company
-
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18/06/2018
-
- Vốn điều lệ: 61.725.230.000 đồng
-

- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019: 215.357.270.649 đồng

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô II-3 Nhóm Công Nghiệp 2, Đường số 11, Đường số 8 Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

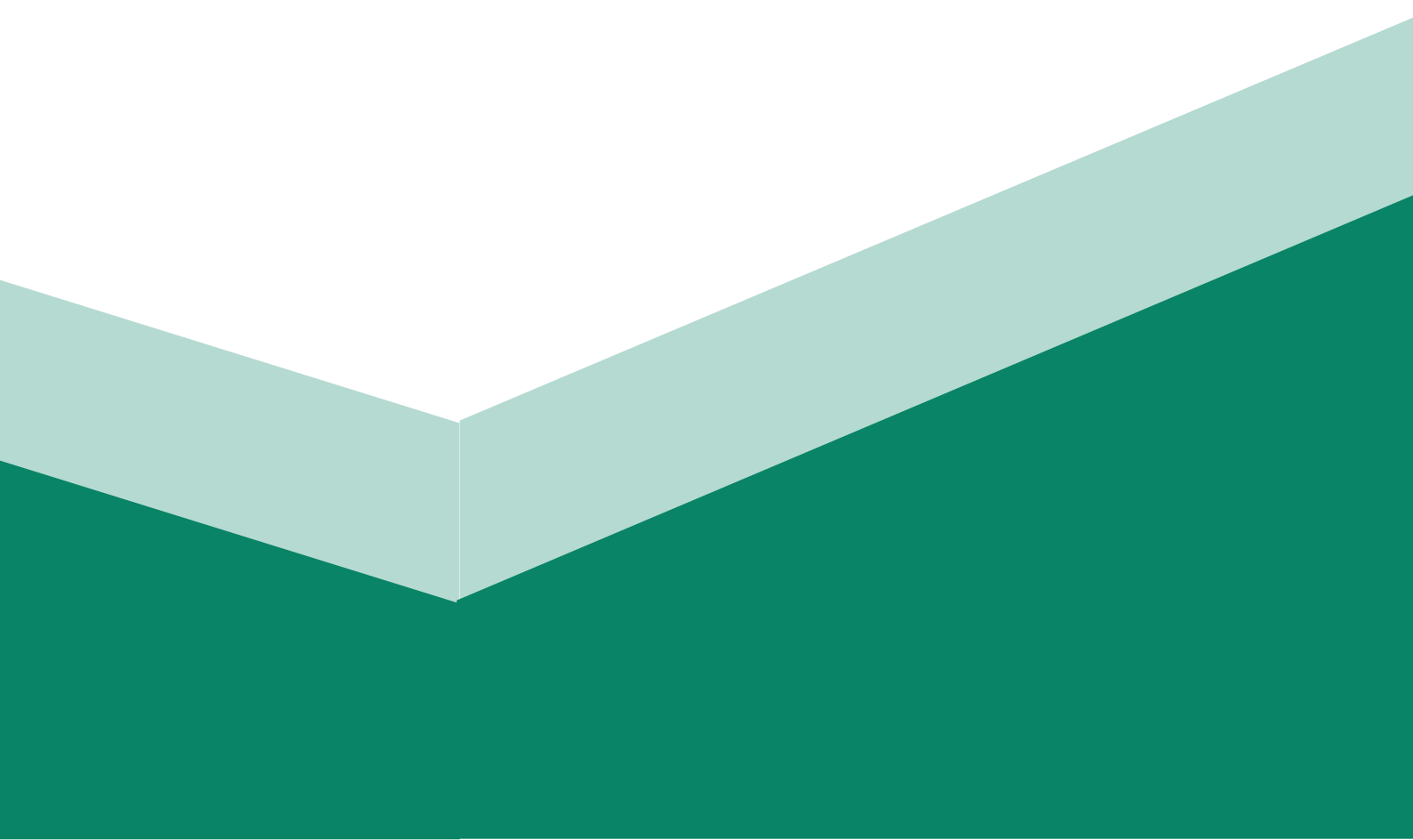
- Số điện thoại: (028) 3816 2885

- Số fax: (028) 3816 2887

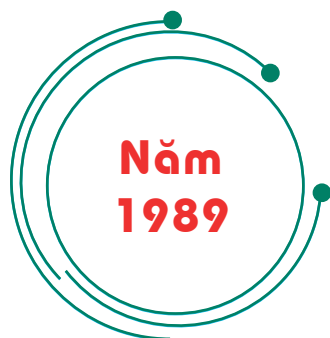
- Email: alta@alta.com.vn

- Website: www.alta.com.vn

- Mã cổ phiếu: ALT



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



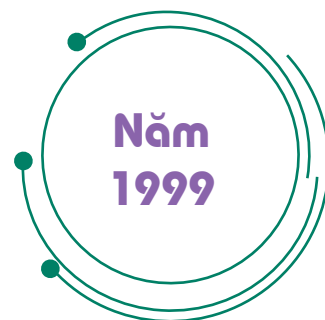
Công ty ALTA được thành lập từ năm 1989 với tên gọi là Công ty Văn hóa Tổng hợp Tân Bình - một doanh nghiệp Nhà nước. Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực văn hóa tại thị trường nội địa theo cơ cấu "Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất".



Công ty đổi tên thành Công ty Văn hóa và Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình.



ALTA chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình theo Quyết định số 3336/QĐ - UB - KT ngày 26/06/1998 của UBND Tp.HCM và Giấy chứng nhận ĐKKD số 064111 do Sở KH & ĐT Tp.HCM cấp ngày 31/08/1998 với vốn điều lệ ban đầu là 13.347.000.000 đồng.



Công ty đầu tư Dự án Sản xuất bao bì xuất khẩu với vốn đầu tư 12 tỷ đồng, công suất 2.400 tấn/năm, tăng thêm 120 lao động. Bên cạnh đó, Công ty đầu tư hệ thống chế bản tách màu điện tử với vốn đầu tư 03 tỷ đồng, nâng công suất hoạt động công suất 50 triệu cm² phim/ năm, tăng thêm 20 lao động.



**Năm
2000**

Công ty đầu tư Dự án Sản xuất hạt màu chủ với vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 30 lao động. Đây là lần đầu tiên hạt màu chủ được sản xuất tại Việt Nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập).

**Năm
2001**

Dự án di dời và đầu tư mới Nhà máy ALTA được xây dựng và đặt tại Khu công nghiệp Tân Bình với tổng vốn đầu tư 80 tỷ đồng, tạo việc làm cho 200 lao động.

**Năm
2002**

ALTA đầu tư Dự án Sản xuất in trên hệ thống in offset 05 màu, vốn đầu tư 11 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư nhà máy ALTA), nâng công suất in từ 6 tỷ trang/năm lên 09 tỷ trang/năm, tạo việc làm thêm cho 10 lao động.

**Năm
2003**

ALTA đầu tư Dự án Sản xuất hóa chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite, vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư nhà máy ALTA).

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



**Năm
2004**

Công ty đầu tư Dự án Sản xuất nguyên liệu ngành nhựa (hạt CaCO_3), mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, nâng công suất lên 1.200 tấn/năm, tạo việc làm thêm cho 20 lao động

**Năm
2006**

Trung tâm Văn hóa Thương mại Lạc Hồng được xây dựng tại địa điểm 91B Phạm Văn Hai, quận Tân Bình, với vốn đầu tư 40 tỷ. Ngày 22/11/2006, Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình niêm yết cổ phiếu với vốn điều lệ 13,347 tỷ đồng.

**Năm
2008**

Ngày 02/02/2008, ALTA khánh thành và khai trương rạp ALTA 4D - Max Suối Tiên tại Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Du lịch Văn hóa Suối Tiên; khánh thành và khai trương Trung tâm thương mại & giải trí ALTA Plaza ngày 26/7/2008 tại 91 B2, đường Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình, TP.HCM với tổng diện tích sử dụng hơn 7.000 m². Trong dịp này, ALTA cũng đưa vào hoạt động rạp chiếu phim đa chiều cảm giác mạnh 3D TurboRide và khu công nghệ thể thao điện tử Laser Game – lần đầu tiên có tại Việt Nam. Tháng 12/2008 ALTA đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1 để tăng vốn điều lệ từ 39.951.250.000 đồng lên 49.339.050.000 đồng.



**Năm
2009**

Thành lập Công ty Liên doanh Đan-Việt giữa công ty ALTA và Công ty FORMULA sản xuất thẻ thông minh (theo chương trình tài trợ kết nối doanh nghiệp B2B giữa hai chính phủ Việt Nam và Đan Mạch). Tháng 12/2009 ALTA đã hoàn tất việc trả cổ tức đợt 1 năm 2009 bằng việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:9 và tăng vốn điều lệ từ 49.339.050.000 đồng lên 53.562.130.000 đồng.

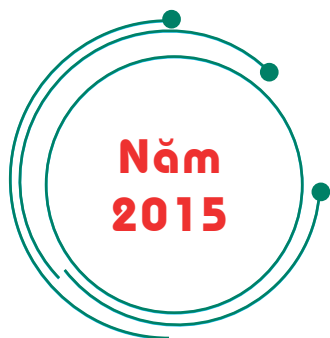
**Năm
2010**

ALTA khai trương 02 khu vực giải trí Laser Zone tại 02 địa điểm vui chơi giải trí Suối Tiên và Siêu thị Maxi-mark 3T2; khánh thành tòa nhà văn phòng cho thuê 284-286 Hoàng văn Thụ; khai trương Trung tâm mua sắm Outlet Unique tại tòa nhà ALTA Plaza trước đây với mô hình mua sắm hàng hiệu giá rẻ - lần đầu tiên có tại Việt Nam với qui mô lớn.

**Năm
2014**

Công ty tăng thêm 4.918.520.000 tỷ đồng bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, tương đương với số vốn điều lệ là 58.480.640.000 đồng.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



**Năm
2015**

Công ty tăng vốn điều lệ lên 61.725.230.000 đồng bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.



**Năm
2016**

Công ty xây dựng Rạp Cinema Turboride và khu trò chơi giải trí Space Ship tại Khu Du lịch Suối Tiên.



**Năm
2017**

ALTA thành lập Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc trong tháng 8/2017.



**Năm
2018**

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc khai trương văn phòng và nhà máy mới tại địa chỉ Lô IV-7, đường số 4, nhóm CN IV, khu Công nghiệp Tân Bình.



QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

Đơn vị tính: đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ lũy kế
2006	13.347.000.000
2007	39.951.250.000
2008	49.339.050.000
2009	53.562.120.000
2014	58.480.640.000
2015	61.725.230.000

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Ngành in: thực hiện các công đoạn từ trước in, in ấn và sau in đối với xuất bản phẩm và các loại ấn phẩm gồm sách, báo, tạp chí, nhãn hàng, bao bì hàng hóa, brochure quảng cáo, tờ bướm, poster,...
- Ngành nhựa: sản xuất xuất khẩu các loại bao bì nhựa PE, các sản phẩm thân thiện môi trường như: bao bì nhựa tự phân hủy và các loại hợp chất nhựa như: hạt màu chủ (masterbatches), hạt nhựa CaCO_3 .
- Ngành dịch vụ văn hoá và giải trí: sản xuất và phát hành chương trình âm nhạc gồm các thể loại: thơ, ca, cổ nhạc, hòa tấu,... dành cho mọi lứa tuổi; quảng cáo đa phương tiện, các loại dịch vụ giải trí và chiếu phim đa chiều, công nghệ thể thao điện tử...
- Các hoạt động khác: sản xuất khăn giấy cao cấp, cho thuê mặt bằng, xây dựng công nghiệp,...





Địa bàn kinh doanh

Trong nước: Tp.HCM và các tỉnh thành trong cả nước.

Ngoài nước: xuất khẩu đi các nước thuộc Châu Âu, Châu Á, Châu Úc, Châu Mỹ.

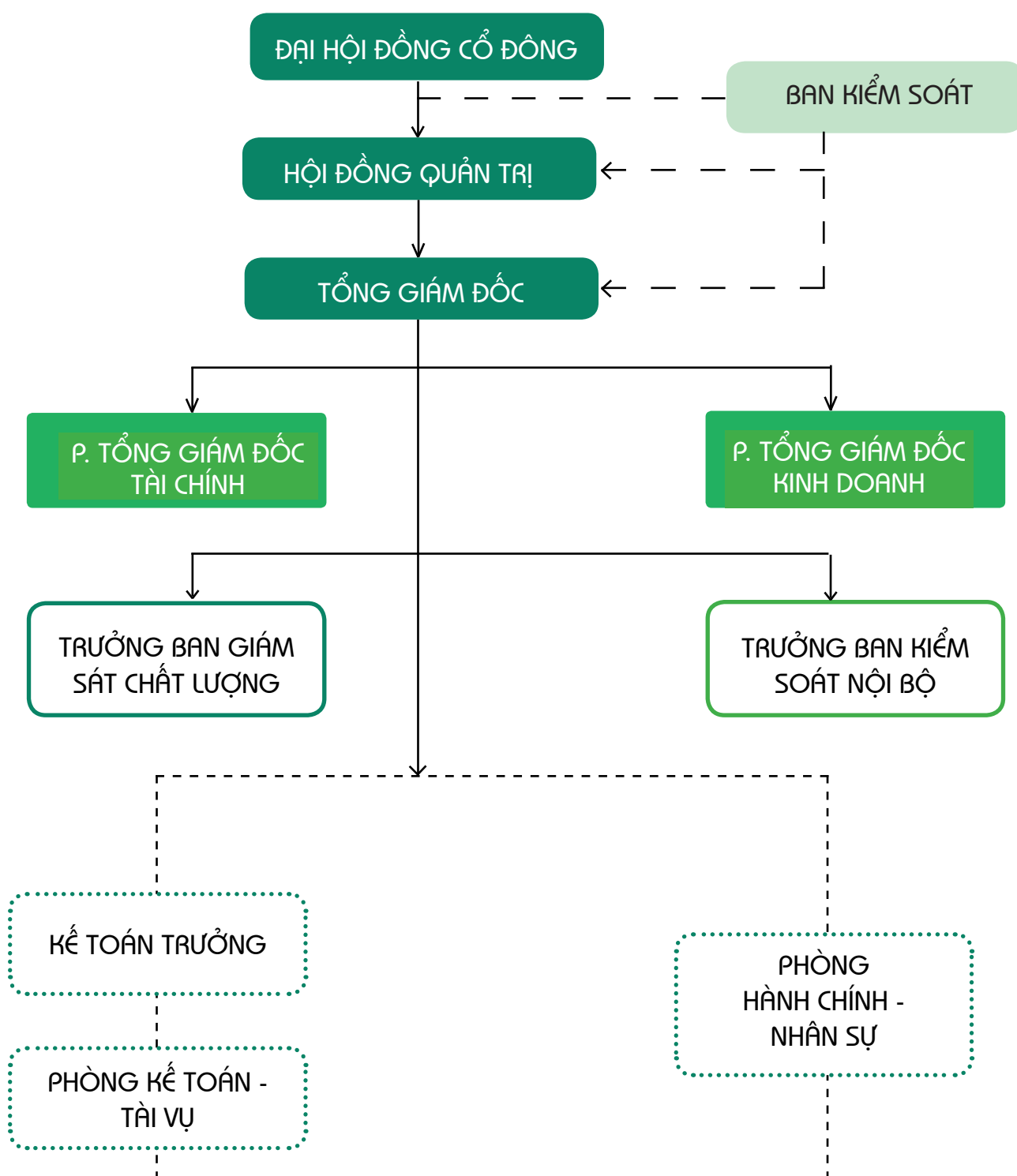
Trong đó, địa bàn hoạt động thường xuyên và mang lại doanh thu lớn trong năm gần đây của Công ty là TP.HCM.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

ALTA là công ty cổ phần hoạt động quản trị theo mô hình công ty mẹ – con. Về mặt tổ chức cả công ty mẹ và các công ty con đều theo hình thức quản trị 3 cấp: cấp công ty – cấp bộ phận và cấp chức năng. Riêng với các công ty liên quan và liên kết, Công ty ALTA là cổ đông góp vốn và tham gia trong Hội đồng quản trị của các công ty này.

Bộ máy quản lý



Công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Sản xuất và dịch vụ
- Vốn điều lệ thực góp: 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của ALT: 100%

Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Công nghệ và truyền thông
- Vốn điều lệ thực góp: 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của ALT: 100%

Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Công nghệ thông tin
- Vốn điều lệ thực góp: 200.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của ALT: 100%

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: In ấn
- Vốn điều lệ thực góp: 24.700.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của ALT: 47%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng

- Nâng cao vị thế thương hiệu ALTA với hình ảnh uy tín, chất lượng;
- Duy trì mối quan hệ hợp tác vững bền với đối tác;
- Tạo dựng lòng tin với cổ đông; đảm bảo lợi ích và quyền lợi của cổ đông

Giá trị tạo lập



SỰ CHÂN THÀNH

Chân thành trong công việc sản xuất, mang đến những sản phẩm tốt nhất cho khách hàng, chân thành trong hợp tác với đối tác;



SẴN SÀNG

Sẵn sàng học hỏi, cải tiến để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, sẵn sàng liên kết với đối tác mới để tạo ra sản phẩm chất lượng, giá thành hợp lý;



THỐNG NHẤT

Thống nhất quy trình và phối hợp chặt chẽ giữa các khâu thiết kế - sản xuất – quản trị, mang đến hiệu quả công việc tốt.

Các mục tiêu chủ yếu



Đào tạo đội ngũ nhân viên sáng tạo, tạo ra những sản phẩm đa dạng về mẫu mã bên ngoài và chất lượng bên trong;



Thực hiện kim chỉ nam của Công ty “lấy hiệu quả làm nền tảng”, ALTA luôn học hỏi công nghệ mới, cải tiến máy móc, thiết bị trong sản xuất kinh doanh, tạo ra các sản phẩm mang tính kỹ thuật cao, nâng cao hiệu quả công việc; gia tăng lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ trong ngành.



Tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu ALTA trên thị trường trong và ngoài nước;



Sẵn sàng đổi mới, thay đổi chính sách, biện pháp đề ra để phù hợp với từng môi trường kinh doanh khác nhau, từng bước phát triển và mở rộng quy mô Công ty.

Chiến lược phát triển

- Nâng cao năng lực sản xuất của Công ty, mở rộng quy mô hoạt động, lĩnh vực kinh doanh tạo tiền đề cho sự phát triển sau này;
- Thiết lập mối quan hệ với nhiều khách hàng, mở rộng mạng lưới phân phối, đa dạng hoá sản phẩm;
- Phát triển đội ngũ nhân viên trẻ, tài năng để từng bước kế thừa và tiếp thu những kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ nhiều kinh nghiệm.



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Môi trường, xã hội và cộng đồng là những nhân tố quan trọng trong sự nghiệp phát triển của Công ty, bởi môi trường là sự sống của nhân loại, xã hội và cộng đồng là nền tảng, cái nôi của sự phát triển vững bền. Nhận thức được điều này, Công ty đặt ra và thực hiện nghiêm túc các tiêu chí như sau:

Đối với môi trường

- Tìm hiểu và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường;
- Cải tiến quy trình sản xuất và đảm bảo chất thải, nước thải được qua xử lý trước khi thải ra môi trường, hạn chế ảnh hưởng đến môi trường;
- Khuyến khích và tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường trong toàn thể nhân viên Công ty.

Đối với xã hội và cộng đồng

- Quan tâm, chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động; tạo ra môi trường làm việc hòa đồng và thân thiện;
- Thường xuyên tuyển dụng, tạo công ăn việc làm cho cộng đồng tại địa phương ALTA đặt trụ sở;
- Tham gia và tổ chức các chương trình thiện nguyện do địa phương đề ra, góp phần xây dựng một xã hội văn minh, giàu tình yêu thương.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Trong năm 2019, tốc độ tăng trưởng GDP nước ta đạt 7,02%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra từ 6,6% - 6,8%. Tăng trưởng GDP duy trì ở mức cao, đồng nghĩa với việc tình hình hoạt động của các doanh nghiệp sẽ tích cực hơn, thuận lợi hơn. Tuy nhiên, theo Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW), đà tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2020 dự kiến sẽ giảm xuống còn 6,6%, do tác động của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ảnh hưởng tiêu cực đến một số ngành nghề ở nước ta. Từ đó sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ALTA.

Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực in ấn và giải trí, truyền thông, ALTA chịu ảnh hưởng ít nhiều từ nền kinh tế. Nền kinh tế sụt giảm dẫn đến thị trường in ấn tìm kiếm các doanh nghiệp có lợi thế cạnh tranh về giá cả cũng như nhu cầu thị trường đối với giải trí cũng giảm. Do đó, Ban lãnh đạo của ALTA luôn theo sát tình hình kinh tế, đưa ra chính sách quản trị phù hợp để hạn chế tác động của rủi ro đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty như: đầu tư các máy móc, thiết bị nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng lợi thế cạnh tranh; đa dạng hóa ngành nghề của Công ty; duy trì ổn định mối quan hệ với đối tác truyền thống, mở rộng quan hệ và mạng lưới khách hàng của Công ty....



Rủi ro pháp luật

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nên Công ty chịu ảnh hưởng bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật kế toán, kiểm toán và các văn bản pháp lý liên quan khác. Hiện nay, hệ thống Việt Nam đang trong giai đoạn bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện hệ

thống luật pháp để phù hợp với tình hình thực tại, tạo dựng môi trường kinh doanh văn minh, minh bạch hơn, thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Bất kỳ sự thay đổi nào của pháp luật cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của toàn ngành nói chung và ALTA nói riêng. Do đó, Công ty luôn nắm bắt và cập nhật những quy định mới, đưa ra các thay đổi phù hợp về chính sách quản lý, chiến lược kinh doanh cho Công ty.

Rủi ro tỷ giá

Công ty hoạt động kinh doanh cả thị trường trong và ngoài nước với nguyên vật liệu đầu vào được nhập khẩu là chủ yếu nên rủi ro tỷ giá tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của ALTA.

Trong năm qua, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) giảm lãi suất 3 lần, xuống biên độ 1,5 – 1,75% nhằm thúc đẩy nền kinh tế thế giới phát triển. Tuy nhiên chỉ số đô la Mỹ bình quân năm 2019 vẫn tăng 0,99% so với năm 2018. Trong khi đó tỷ giá USD/VND vẫn giữ nguyên, đồng nghĩa là VND tăng giá so với các đồng tiền khác và làm hàng hóa của chúng ta kém tính cạnh tranh. Bên cạnh đó, cuộc khủng hoảng kinh tế tại Hy Lạp dẫn đến giá trị đồng EUR giảm dẫn tới tỷ giá EUR/VND cũng giảm trong 2 năm liên tiếp.

Để hạn chế tác động của rủi ro trên, Công ty luôn cập nhật tình hình tỷ giá thế giới đưa ra các biện pháp và chính sách phù hợp, chọn thời điểm mua nguyên vật liệu thích hợp, hạn chế phát sinh chi phí trong sản xuất.

Rủi ro khác

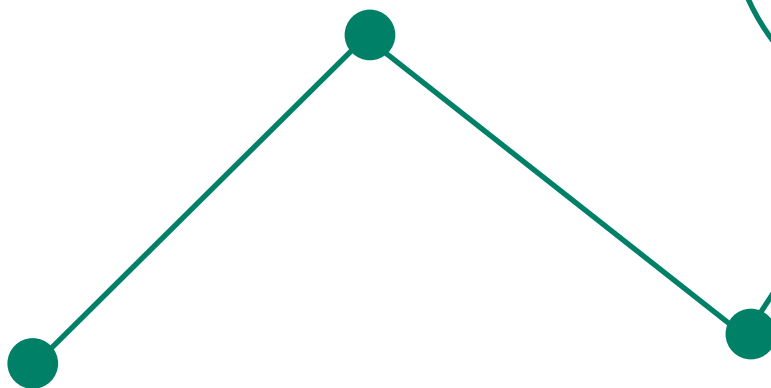
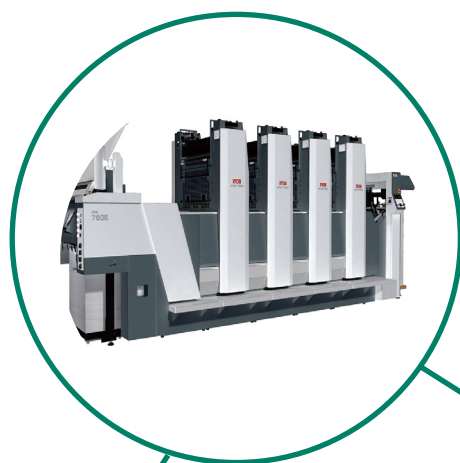
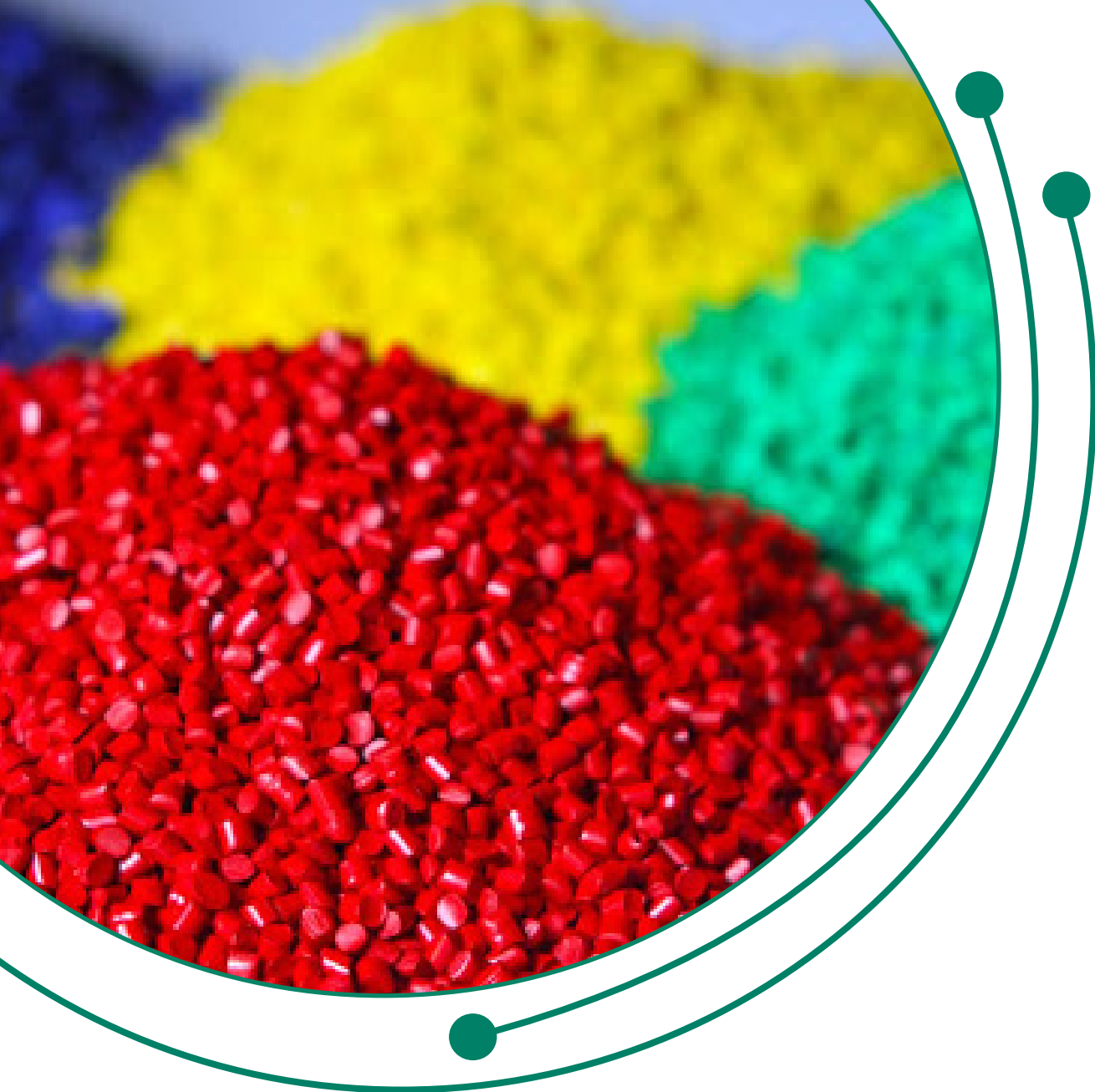
Trước những rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn, biến đổi khí hậu,... có thể gây ra những thiệt hại lớn về lao động và cơ sở vật chất của Công ty. Để hạn chế rủi ro không đáng có, Công ty luôn nâng cao công tác bảo vệ, sử dụng các loại bảo hiểm phù hợp.

Rủi ro lãi suất

Cuối năm 2019, Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định số 2415/QĐ-NHNN và Quyết định số 2416/QĐ-NHNN làm giảm 0,5% lãi suất huy động và cho vay ngắn hạn ở các tổ chức tín dụng. Cụ thể, lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 0,8%/năm, từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 5,0%/năm và lãi suất cho vay ngắn hạn là 6,0%/năm (giảm 0,5%/năm so với quy định tại Quyết định 2173/QĐ-NHNN ngày 28/10/2014 và Quyết định 1425/QĐ-NHNN ngày 07/7/2017). Các quyết định trên nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp; góp phần duy trì và mở rộng quy mô cho các doanh nghiệp này. Động thái này là thuận lợi đối với các doanh nghiệp vay nợ và bất lợi đối với doanh nghiệp có khoản đầu tư tài chính cao.

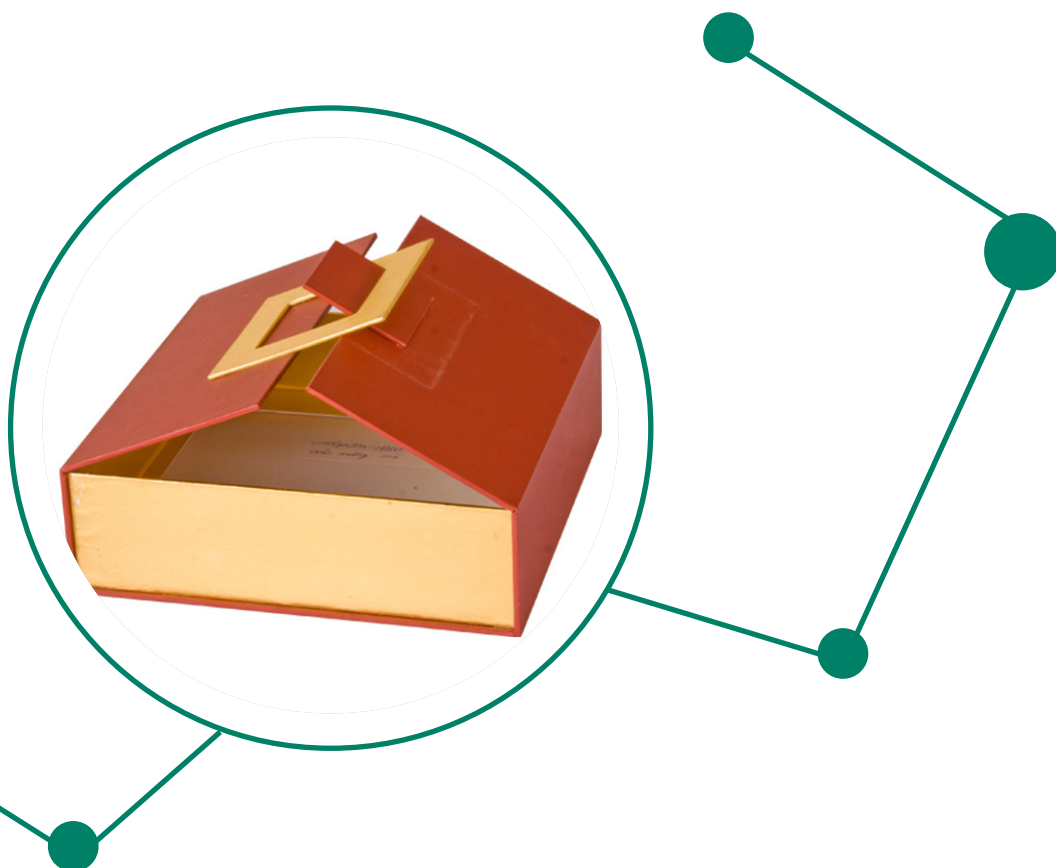
Tính đến ngày 31/12/2019, ALTA chỉ có các khoản nợ vay 2,77 tỷ nên biến động lãi suất không ảnh hưởng đến chi phí lãi vay của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro này ảnh hưởng đến các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty. Do đó, Công ty luôn theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, động thái điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước, tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng, từ đó đưa ra các dự báo và có các quyết định kịp thời.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Tình hình đầu tư
- Tổ chức và nhân sự
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH 2019/ KH 2019	TH2019/ TH2018
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đồng	156.506	180.000	201.552	111,97%	128,78%
Tổng chi phí	Tr.đồng	148.012	170.000	191.272	112,51%	129,23%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	8.494	9.500	10.280	74,95%	121,02%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	7.495	8.000	8.401	108,21%	112,09%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	8%	9%	9%	100,00%	112,50%

Năm 2019, trước bối cảnh kinh tế thế giới chững lại, tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn đạt mức 7,02%, vượt xa so với dự báo của nhiều tổ chức kinh tế và với kế hoạch mà Quốc Hội đã đề ra (6,6% – 6,8%). Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP năm qua có sự đóng góp không nhỏ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 11,29%), và ngành bán buôn và bán lẻ (tăng 8,82%). Những động lực chính của sự tăng trưởng này không thể không kể đến là nhu cầu về sản phẩm tiêu dùng nhanh (FMCG) tăng mạnh, sự bùng nổ của ngành công nghiệp thương mại điện tử, và sự dịch chuyển của dòng vốn FDI cũng như của các đơn hàng sản xuất sang Việt Nam do chiến tranh thương mại Mỹ-Trung.

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành sản xuất bao bì, năm vừa qua của ALTA cũng đạt được những tăng trưởng vượt bậc do hưởng lợi từ sự phát triển của ngành bán lẻ (có bao gồm thương mại điện tử) và ngành FMCG. Đồng thời, chiến lược hạn chế các đơn hàng gia công và chủ động chuyển đổi từ sản xuất đơn thuần sang sản xuất sản phẩm và làm chủ công nghệ; từ truyền thông đơn hàng sang truyền thông kết hợp công nghệ và nội dung đã bắt đầu đem lại hiệu quả tốt. Tác

động kép của những mặt thuận lợi này đã giúp tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của ALTA năm 2019 vượt 11,97% so với kế hoạch và tăng 28,78% so với năm 2018. Trong đó, sự đóng góp lớn nhất đến từ mảng bao bì nhựa với mức tăng trưởng lên tới 42,57%, đóng góp 64,48% trong cơ cấu doanh thu. Ngoài ra, các nguồn doanh thu khác cũng có sự tăng trưởng rõ rệt như: doanh thu từ mảng khăn giấy, thương mại tăng 7,01%, và doanh thu từ mảng giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác tăng 10,46%. Dẫu chỉ có mảng in có doanh thu giảm 0,18% nhưng vì đây là mức giảm không đáng kể và mảng này cũng không đóng góp nhiều trong cơ cấu doanh thu nên không gây ra những ảnh hưởng lớn.

Song song đó, kết quả lợi nhuận gộp của Công ty cũng đạt được nhiều kết quả khả quan. Cụ thể, lợi nhuận từ mảng bao bì nhựa tăng tới 47,23%, lợi nhuận từ mảng khăn giấy và thương mại tăng 50,3% và từ mảng giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác tăng 63,78%. Những mức tăng này đều cao hơn rõ rệt so với mức tăng của doanh thu, cho thấy hiệu quả tiết kiệm chi phí sản xuất trực tiếp của Công ty trong các mảng kinh doanh chính đã được cải thiện đáng kể, nhờ đó đóng góp không nhỏ vào mức tăng trưởng của lợi nhuận trước thuế: tăng 21,02% so với năm 2018.

Doanh thu theo nhóm sản phẩm

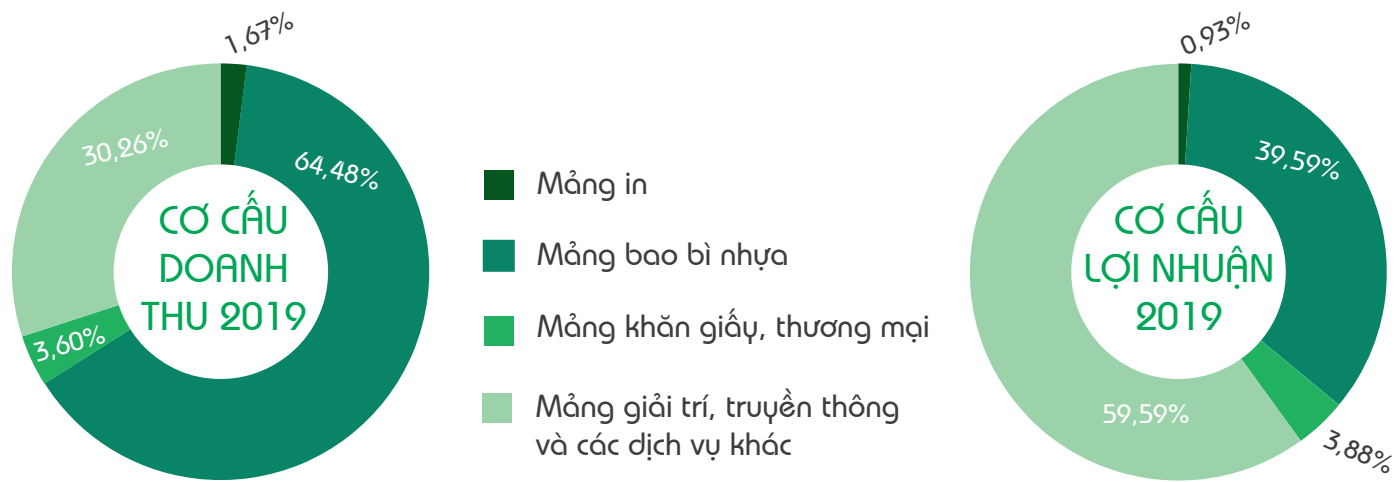
Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Tăng trưởng giá trị
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu từ mảng in	3.364	2,15%	3.358	1,67%	-0,18%
Doanh thu từ mảng bao bì nhựa	91.161	58,25%	129.964	64,48%	42,57%
Doanh thu từ mảng khăn giấy, thương mại	6.775	4,33%	7.250	3,60%	7,01%
Doanh thu từ mảng giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	55.206	35,27%	60.980	30,26%	10,46%
Tổng cộng	156.506	100%	201.552	100%	28,78%

Lợi nhuận theo nhóm sản phẩm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Tăng trưởng giá trị
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Lợi nhuận từ mảng in	332	1,60%	301	0,93%	-9,34%
Lợi nhuận từ mảng bao bì nhựa	7811	37,67%	11.500	35,59%	47,23%
Lợi nhuận từ mảng khăn giấy, thương mại	835	4,03%	1.255	3,88%	50,30%
Lợi nhuận từ mảng giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	11.755	56,70%	19.252	59,59%	63,78%
Tổng cộng	20.733	100%	32.308	100%	55,83%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

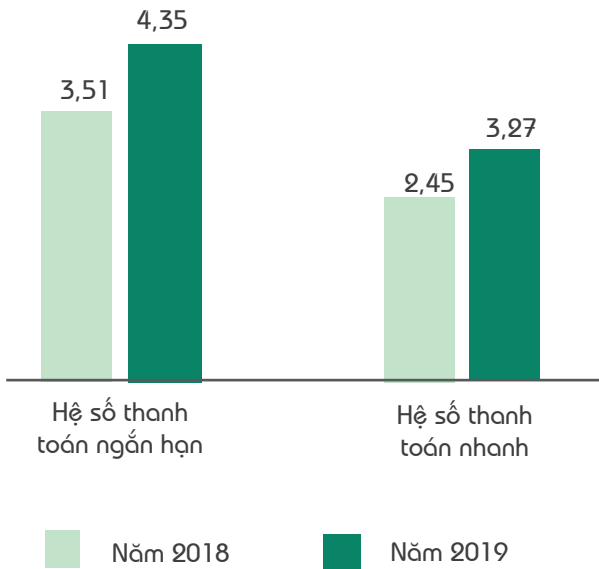
Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	% tăng giảm
Tổng tài sản	251.119	245.095	-2,4%
Doanh thu thuần	156.506	201.552	28,8%
Lợi nhuận HĐKD	8.830	10.288	16,5%
Lợi nhuận khác	(335)	(8)	-97,6%
Lợi nhuận trước thuế	8.494	10.280	21,0%
Lợi nhuận sau thuế	7.495	8.401	12,1%

Các chỉ số tài chính

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,51	4,35
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,45	3,27
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	15,76	12,13
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	18,71	13,81
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,88	4,59
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,65	0,81
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,79%	4,17%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	3,56%	3,94%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,13%	3,39%
4	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	5,64%	5,10%

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

ĐVT: lần



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

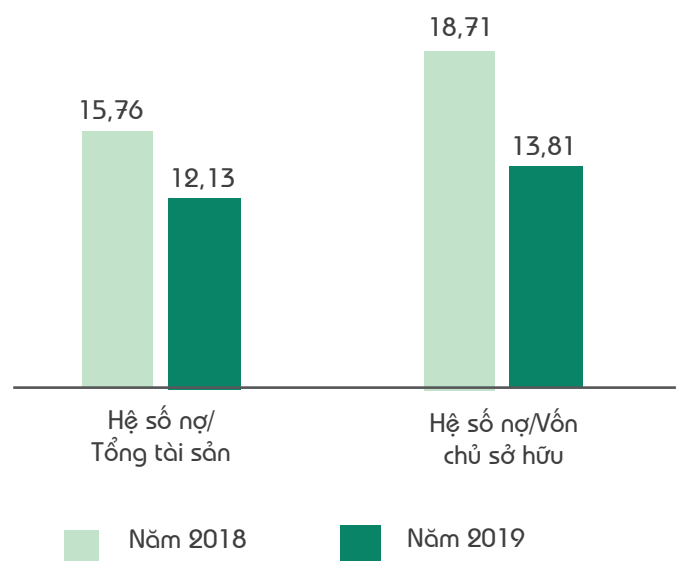
Các hệ số đo lường khả năng thanh toán của ALTA trong hai năm gần đây đều ở mức cao, đặc biệt năm 2019 tiếp tục có sự cải thiện: hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 3,51 lên 4,35 lần còn hệ số thanh toán nhanh tăng từ 2,45 lên 3,27 lần. Trong năm, do hoạt động kinh doanh có hiệu quả nên Công ty đã chủ động thanh toán cả khoản phải trả lẫn nợ vay tài chính. Cuối năm 2019, tài khoản nợ ngắn hạn ghi nhận giảm tới 24,86%, trong khi tài sản ngắn hạn chỉ giảm 6,8%. Điều này chứng tỏ được tài sản ngắn hạn của Công ty vẫn đảm bảo tốt khả năng thanh toán cho nợ ngắn hạn.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Năm 2019, trong khi tổng tài sản chỉ giảm 2,4% thì nợ phải trả của Công ty giảm tới 24,86%, dẫn tới hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 15,76% xuống 12,13%. Cũng vậy, vốn chủ sở hữu cuối năm ghi nhận tăng 1,8% so với cùng kỳ - biến động ngược chiều so với nợ phải trả - dẫn đến hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu cũng giảm từ 18,71% xuống 13,81%. Những thay đổi trong chỉ tiêu cơ cấu vốn chỉ ra rằng ALTA vẫn có xu hướng thiên về sử dụng vốn chủ sở hữu hơn là nợ để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh dù hiện tại tỷ lệ đòn bẩy tài chính của Công ty vốn đã thấp (thậm chí từ năm 2018, Công ty đã không còn sử dụng nợ vay dài hạn). Hướng đi này có thể giúp Công ty hạn chế chi phí lãi vay cao.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

ĐVT: %



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

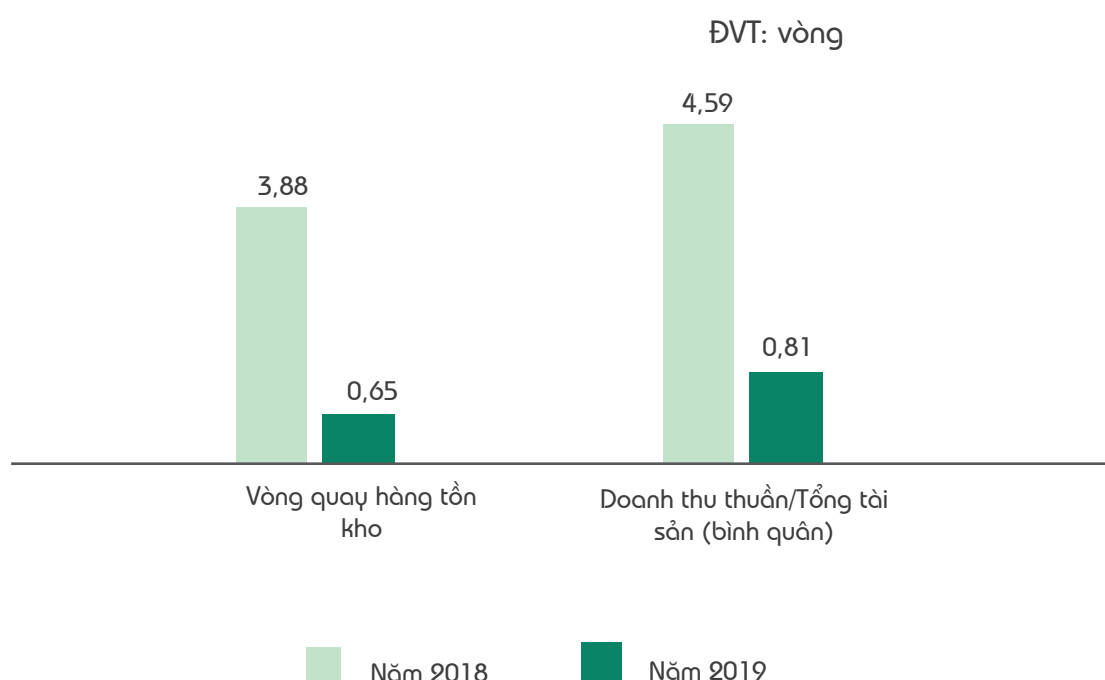
Tình hình tài chính

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Kể từ năm 2018, ALTA đã bắt đầu tập trung vào việc phát triển các chiến lược kinh doanh như đẩy mạnh cung ứng các sản phẩm chuyên biệt/ đa dụng (túi rác quy định màu cho các bệnh viện, tấm trải đa năng bằng nhựa cho sinh hoạt thường ngày, túi đựng thực phẩm an toàn, túi rác thơm có khử mùi tại gia đình và các sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường) thay vì nhận hợp đồng gia công như trước đây. Đồng thời, Công ty cũng nghiên cứu những công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh như: máy cắt cơ hai dây đập quai tự động (ngành nhựa); Multi-layer Hologram và máy bán hàng tự động,... (ngành truyền thông). Không dừng lại ở đó, đội ngũ bán hàng cũng được ALTA chú trọng bồi dưỡng và tuyển dụng thêm trong thời gian qua. Những nỗ lực này đã giúp Công ty mở rộng thị phần ra các tỉnh lân cận phía Bắc (đối với ngành bao bì nhựa) và liên kết hợp tác với Singapore (đối với ngành truyền thông).

Sau hai năm, nhìn chung các chỉ tiêu đo lường năng lực hoạt động của ALTA đều đã được cải thiện. Trong đó, số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 3,88 lên 4,59 do giá vốn hàng bán tăng mạnh hơn so với tồn kho trung bình (24,65% so với 5,31%). Sự thay đổi này cho thấy các chính sách thúc đẩy bán hàng và quản lý hàng tồn kho trước đó của Công ty đã mang lại hiệu quả, giúp thời gian lưu kho hàng hóa được cải thiện, nhờ đó tiết kiệm phần nào nhu cầu sử dụng vốn lưu động. Bên cạnh đó, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty cũng được nâng cao (tăng từ 0,65 lên 0,81 vòng) do tốc độ tăng doanh thu và tổng tài sản biến động ngược chiều (+24,65% so với -2,4%). Điều này cho thấy Công ty đã mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh thông qua việc đẩy mạnh tiêu thụ (phát triển khâu đầu ra) hơn là chỉ đơn thuần đầu tư thêm tài sản (khâu sản xuất).

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

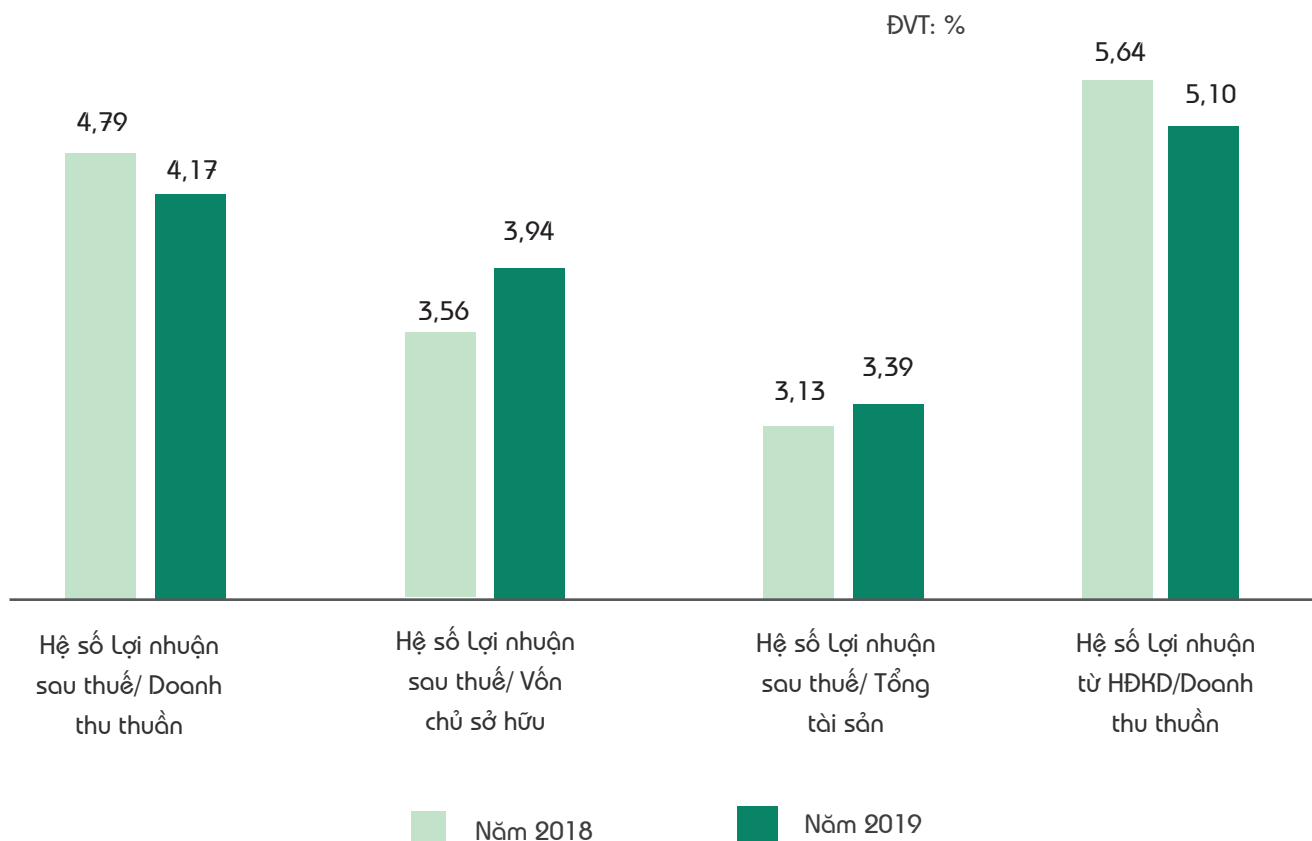


Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Biên lợi nhuận: Mặc dù Công ty đã tiết giảm được chi phí sản xuất trực tiếp (hệ số GVHB/Doanh thu thuần giảm từ 86,6% xuống 83,8%), nhưng các khoản chi phí khác vẫn chưa thể giảm được. Cụ thể, do đầu tư nhiều vào lực lượng quản lý và bán hàng nên biên chi phí này tăng từ 10,68% lên 12,30%; khoản lãi vay phát sinh trong năm 2019 cũng cao hơn nhiều so với cùng kỳ (tăng 184,99%). Đây là những nguyên nhân chính gây áp lực lên biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (giảm từ 5,64% xuống 5,1%) và biên lợi nhuận sau thuế (giảm từ 4,79% xuống 4,17%).

Tỷ suất sinh lợi: Ngược với sự biến động của biên lợi nhuận, tỷ suất ROA và ROE của ALTA giai đoạn vừa qua lại có sự cải thiện: ROA tăng từ 3,13% lên 3,39% trong khi ROE tăng từ 3,56% lên 3,94%. Đây là kết quả của việc tốc độ tăng lợi nhuận sau thuế cao hơn tốc độ tăng của Tài sản và vốn chủ sở hữu bình quân. Tuy nhiên nhìn chung các tỷ suất sinh lợi, đặc biệt là tỷ suất ROE của Công ty vẫn còn khá thấp so với một số công ty cùng ngành do Công ty hạn chế sử dụng đòn bẩy tài chính trong quá trình kinh doanh.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tính tới thời điểm cuối năm 2019, khoản đầu tư này của Công ty là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 15 tháng có giá trị 34,05 tỷ tại các Ngân hàng Thương mại. Lãi suất của khoản tiền gửi này nằm trong khoảng 5,3 – 7,8%/ năm tùy theo Ngân hàng, kỳ hạn và giá trị gói tiền gửi.

Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh liên kết

ALTA đầu tư vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 47%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối năm là 4.700.000.000 đồng, giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối năm lần lượt là 17.703.771.187 đồng và 18.734.104.624 đồng. Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn.

Góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: triệu đồng

Công ty	31/12/2018		31/12/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
CTCP Dược Đồng Nai - DPP (11.052 CP)	62.829	88.512	100.199	176.832
CTCP Giấy Lẻ Hoa (5.450 CP)	59.5	-	59.5	-
Tổng cộng	122.329	88.512	159.699	176.832

Ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai được xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa của cổ phiếu DPP trên sàn UpCOM tại ngày 31/12/2019 và 28/12/2018, ALTA chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính khác do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



Đầu tư mua sắm tài sản cố định

Bất động sản đầu tư hiện có

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2019 là 24.159.020.374 đồng, trong đó khấu hao trong năm là 957.692.565 đồng.

Xây dựng cơ bản dở dang

Hiện nay Công ty chuẩn bị mở rộng dịch vụ cho thuê văn phòng thông qua việc mua (1) căn hộ cao cấp của dự án Golden Mansion (GM) tại số 119 Phố Quang, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2019, công trình đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục bàn giao và đưa vào sử dụng; (2) căn hộ tại dự án Sunrise Riverside Nhà Bè (SR) với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê.

Tính tới thời điểm 31/12/2019, công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện nội thất đưa vào sử dụng. Khoản này hiện đang được ghi nhận trên BCĐKT dưới mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang do Công ty vẫn đang trong quá trình đóng tiền cho chủ dự án theo tiến độ.

Chi tiết về giá trị hai dự án này và một số khoản mục sửa chữa mua sắm tài sản cố định khác đang trong quá trình thực hiện được trình bày theo bảng sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

	31/12/2018	31/12/2019
Xây dựng cơ bản dở dang	5.117,386	4.906,444
Mua sắm căn hộ GM2-20.03	1.747,272	2.360,928
Mua sắm căn hộ GM3-04.12A	1.258,103	-
Mua sắm căn hộ SR.€1A-04.10	2.112,011	2.545,516
Mua sắm tài sản cố định	-	247,664
Mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất Công ty nhựa Ấu Lạc	-	247,664
Sửa chữa lớn tài sản cố định	682,676	-
Chi phí sửa chữa nhà máy	682,676	-
Tổng cộng	5.800,062	5.154,108

Mua sắm tài sản cố định (đã hoàn tất trong năm)

Trong năm, ALTA đã đầu tư 1,4 tỷ cho nhà cửa, vật kiến trúc; 15,681 tỷ mua sắm máy móc thiết bị; 169,87 triệu cho phương tiện vận tải và 1,732 tỷ cho thiết bị, dụng cụ quản lý. Tổng cộng, Công ty đầu tư gần 18,986 tỷ để mua sắm thêm tài sản cố định trong năm.

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Danh sách thành viên các ban quản lý của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Hội đồng quản trị			
1	Hoàng Văn Điều	Chủ tịch	Thành viên độc lập
2	Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch	Thành viên điều hành
3	La Thế Nhân	Thành viên	Thành viên độc lập
4	Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	Thành viên độc lập
5	Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên	Thành viên điều hành
Ban Kiểm soát			
1	Thái Thị Phụng	Trưởng ban	Thành viên không điều hành
2	Quách Thị Mai Trang	Thành viên	Thành viên không điều hành
3	Lê Quốc Thắng	Thành viên	Thành viên không điều hành
Ban điều hành			
1	Hoàng Minh Anh Tú	Tổng giám đốc điều hành	Thành viên điều hành
2	Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng giám đốc	Thành viên điều hành
3	Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng giám đốc	Thành viên điều hành
4	Trần Thị Huệ	Giám đốc chất lượng	Thành viên điều hành
5	Nguyễn Thị Xuân	Kế toán trưởng	Thành viên điều hành



Sơ yếu lý lịch

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Hoàng Văn Điều – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	1953
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Chính trị
Tóm tắt quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">Đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty từ năm 1989Từ ngày 30/06/2014, ông Điều không còn kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty. Hiện nay, ông Điều là Chủ tịch Hội đồng quản trị của ALTA
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	578.860 cổ phần chiếm tỷ lệ 9,38% VDL

Bà Lại Thị Hồng Diệp - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành

Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tóm tắt quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">Làm việc tại công ty ALTA từ năm 1989 đến nay với các chức vụ:Năm 1989: Kế toán trưởngNăm 2001: Giám đốc tài chínhNăm 2006: Giám đốc Điều hànhNăm 2011: Phó Tổng Giám đốcHiện nay bà Diệp là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty ALTA
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	355.863 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,77% VDL

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Sơ yếu lý lịch

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông La Thế Nhân - Thành viên HĐQT

Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Bác sĩ Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
Tóm tắt quá trình công tác	Hiện là Giám đốc Công ty Cổ phần In - Thương mại - Quảng cáo Âu Lạc đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị của ALTA
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	295.550 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,79% VDL

Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thành viên HĐQT

Năm sinh	1978
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính
Tóm tắt quá trình công tác	Năm 2017 - nay: Thành viên HĐQT của ALTA
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ACB
Số cổ phiếu nắm giữ	<ul style="list-style-type: none">Cá nhân: 1.670 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,03% VDLĐại diện: 1.051.244 cổ phiếu của Công ty Địa ốc ACB

Ông Hoàng Minh Anh Tú - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành

Năm sinh	1980
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Công nghệ thông tin tốt nghiệp tại Canada
Tóm tắt quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">Năm 2008: Giám đốc Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu LạcTừ 01/07/2014: Tổng giám đốc của ALTA
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	28.595 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,46% VDL

BAN KIỂM SOÁT

Bà Thái Thị Phượng – Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tóm tắt quá trình công tác	Bà Phượng đã làm việc tại ALTA từ năm 1993 đến nay, hiện là Giám đốc tiếp thị của Công ty.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	<ul style="list-style-type: none">• 24.147 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,39% VDL• Đại diện vốn 230.000 cổ phần của công ty Liksin, chiếm tỷ lệ 3,73% VDL

Bà Quách Thị Mai Trang - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Trung cấp Kinh tế - Kế hoạch
Tóm tắt quá trình công tác	Hiện nay là Trưởng ban kiểm soát nội bộ của Công ty.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	2.819 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,05% VDL

Ông Lê Quốc Thắng - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1962
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Tóm tắt quá trình công tác	Nguyên Giám đốc Trung tâm Băng đĩa nhạc Trùng Dương.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	72 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,001% VDL

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Sơ yếu lý lịch

BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Sơ yếu lý lịch của Ông Hoàng Minh Anh Tú và Bà Lại Thị Hồng Diệp vui lòng xem ở mục Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị.

Ông Hoàng Minh Anh Tài – Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Năm sinh	1982
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh tốt nghiệp tại Canada
Tóm tắt quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">Năm 2008: Giám đốc Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu LạcTừ năm 2014: Phó Tổng giám đốc Kinh doanh của ALTA
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% VDL

Bà Trần Thị Huệ - Giám đốc chất lượng

Năm sinh	1963
Trình độ chuyên môn	12/12 , quản lý sản xuất
Tóm tắt quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">1995 - 1997: NV PHC , 1997 đến 1999: NV P kế hoạch,2000 - 2002: NV P Tài vụ;2003 - 2010: Trưởng BP hành chính – cung ứng , PGĐSX XNN;2011 - 2014 : Giám đốc chất lượng, PGĐSX Cty Đan Việt;2015 - 2016 : PGĐ Cty Nhựa Âu Lạc;2017 đến nay : GĐ Cty Nhựa Âu Lạc và Giám đốc chất lượng.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	17 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,0003% VDL

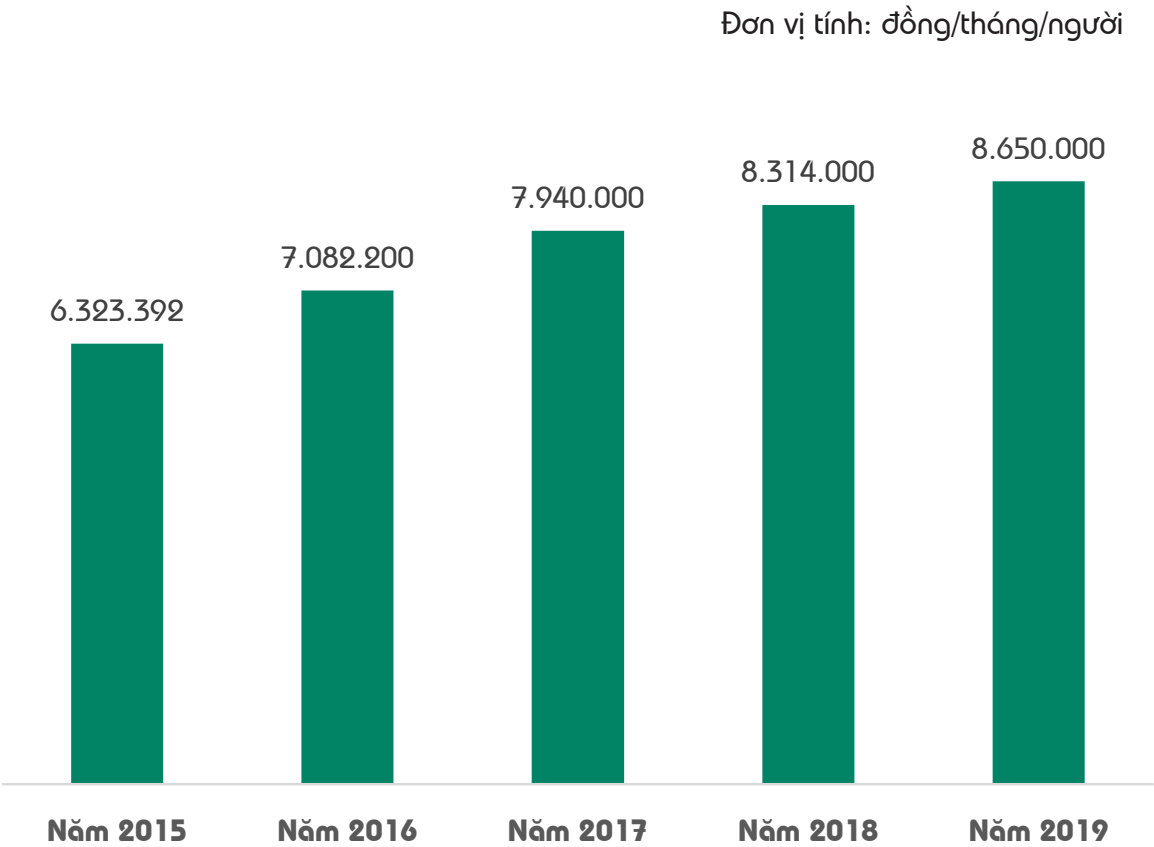
Bà Nguyễn Thị Xuân – Kế toán trưởng

Năm sinh	1982
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Tóm tắt quá trình công tác	2004 -nay: Làm việc tại Cty CP Văn Hóa Tân Bình
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% VDL

Số lượng cán bộ, nhân viên năm 2019

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	306	100%
1	Đại học	68	22%
2	Cao đẳng	71	23%
3	Trung cấp	19	6%
4	Phổ thông trung học trở xuống	148	48%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	306	100%
1	Không xác định thời hạn	175	57%
2	Xác định thời hạn	127	42%
3	Thử việc	1	0%
4	Theo thời vụ	3	1%

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm



TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Chính sách đối với người lao động

• Chính sách lương

Trong năm qua, Công ty luôn đảm bảo việc trả lương cho người lao động theo đúng quy định của Luật Lao động, đảm bảo lợi ích, duy trì nguồn thu nhập cho toàn thể nhân viên. Ngoài ra, mức lương của CBCNV còn được quyết định dựa trên nhiều tiêu chí như: chức vụ, phòng ban, hiệu suất và kết quả làm việc nhằm đảm bảo sự công bằng và kích thích tinh thần cầu tiến cho mọi nhân viên.

Chính sách phúc lợi

Bên cạnh việc chi trả lương đúng hạn, Công ty còn có nhiều chính sách phúc lợi, an sinh xã hội không chỉ giúp người lao động có thêm thu nhập mà còn có một môi trường làm việc tốt. Cụ thể:

- Tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội cho người lao động;
- Tham gia bảo hiểm thất nghiệp;
- Tham gia bảo hiểm tai nạn con người;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm (1 năm/lần);
- Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hằng năm (1 năm/lần). Đối với các nhân viên mới vào, Công ty có tổ chức đào tạo an toàn vệ sinh lao động, nội quy Công ty;
- Tổ chức chúc mừng sinh nhật tập thể cho người lao động sinh trong cùng tháng và tặng quà sinh nhật bằng tiền cho người lao động làm việc đủ 1 năm trở lên;
- Tặng quà hoặc tiền vào ngày Tết Nguyên đán (quà cho tất cả người lao động);
- Ban Tổng Giám đốc Công ty hỗ trợ, trợ cấp khó khăn cho người lao động khi Ban Chấp hành Công đoàn Công ty có đề nghị hợp lý;
- Thưởng vào các ngày lễ lớn như: Tết dương lịch (01/01), lễ 30/4 và 01/05, lễ Quốc khánh 02/09 nhằm khuyến khích tinh thần làm việc cho nhân viên:
 - + Tổ chức tham quan, nghỉ mát cho lao động hằng năm;
 - + Tặng quà hoặc tiền vào ngày: Quốc tế Phụ nữ 8/3 (quà cho phụ nữ);
 - + Tết Trung thu Quốc tế Thiếu nhi 1/6 (quà cho con người lao động từ 15 tuổi trở xuống);
 - + Ngày 22/12 thành lập Quân đội nhân dân (quà cho Bộ đội xuất ngũ);
- Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng Công Đoàn thực hiện việc thăm hỏi, chăm sóc sức khỏe người lao động làm việc tại Công ty. Trường hợp người lao động tham gia công đoàn thì thực hiện như sau:
 - + Thăm người lao động khi ốm đau hoặc tai nạn phải nằm viện, sinh con;
 - + Phúng điếu ma chay tứ thân phụ mẫu, vợ, chồng, con của người lao động;
 - + Tặng quà người lao động đám cưới (đúng Luật hôn nhân);

Chính sách đào tạo

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nhân lực, phát triển đội ngũ cán bộ nhân viên ngày một tốt hơn, phát huy các điểm mạnh của bản thân

- Nội quy Lao động & Quy định An toàn vệ sinh lao động: thỏa ước lao động tập thể, quy chế lương thưởng; mục tiêu chất lượng và cơ sở chất lượng công ty; các hướng dẫn công việc của các bộ phận được tổ chức đào tạo thường xuyên khi có các nhân viên mới vào Công ty;
- Tập huấn sử dụng các phương tiện phòng cháy chữa cháy và diễn tập phương án phòng cháy chữa cháy: được tổ chức định kỳ 1 năm/lần;
- An toàn vệ sinh lao động – Bảo hộ lao động: được tổ chức định kỳ 1 năm/lần;
- Đào tạo ISO cơ bản; hướng dẫn các quy trình của công ty; đào tạo SSOP được tổ chức đào tạo thường xuyên cho các nhân viên tại Công ty và các nhân viên mới vào Công ty.



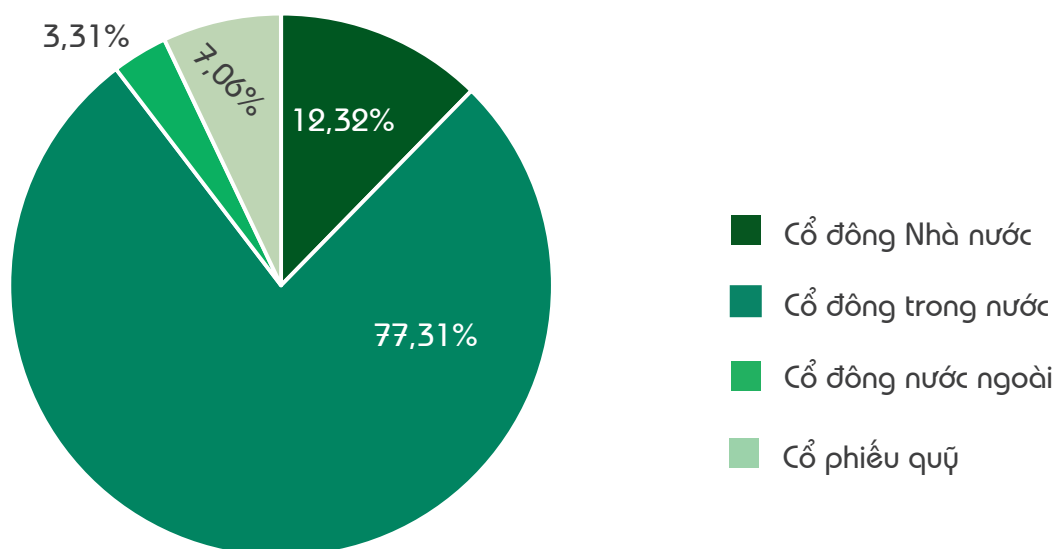
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

- Vốn điều lệ: 61.725.523.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 6.172.523 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Cổ phiếu thường: 6.172.523 cổ phiếu
 - Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.736.709 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 435.814 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông Nhà nước	1	760.211	12,32
II	Cổ đông trong nước	456	4.772.158	77,31
1	Cá nhân	434	2.790.818	45,21
2	Tổ chức	20	1.981.340	32,10
III	Cổ đông nước ngoài	32	204.340	3,31
1	Cá nhân	27	179.315	2,91
2	Tổ chức	5	20.025	0,32
IV	Cổ phiếu quỹ	1	435.814	7,06
Tổng cộng		490	6,172,523	100





Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ/CPBQ
1	Công ty Cổ Phần Địa ốc A.C.B	1.051.244	18,32%
2	Tổng Công Ty LIKSIN	760.211	13,25%
3	Hoàng Văn Điều	578.860	10,09%
5	Lại Thị Hồng Điệp	355.863	6,20%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	352.527	6,15%
7	La Thế Nhân	295.550	5,15%
Tổng cộng		3.394.255	59,17%



ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- **Tình hình quản trị tài sản, nguồn vốn**
- **Kế hoạch kinh doanh năm 2020**



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Thay đổi (%)
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	156.506	201.552	28,78%
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	20.733	32.308	55,83%
Biên lợi nhuận gộp	%	13,25%	16,03%	21,00%
Chi phí bán hàng và quản lý	Triệu đồng	16.707	24.786	48,36%
Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết	Triệu đồng	1.824	1.030	-43,51%
Lợi nhuận tài chính	Triệu đồng	2.980	1.735	-41,77%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Triệu đồng	8.830	10.288	16,51%
Biên lợi nhuận thuần từ HĐKD	%	5,64%	5,10%	-9,53%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(335)	(8)	-97,61%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.495	8.401	12,09%
Biên lợi nhuận sau thuế	%	4,79%	4,17%	-12,96%

Trong năm 2019, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã có nhiều phương án kinh doanh phù hợp, chính sách sử dụng tài chính phù hợp giúp cho Công ty đạt được nhiều thành tựu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các chỉ tiêu như doanh thu thuần, lợi nhuận gộp, và lợi nhuận sau thuế đều tăng trưởng tốt, góp phần làm tăng doanh thu, thúc đẩy phát triển Công ty. Trong đó, Công ty được hưởng lợi từ nhiều yếu tố: môi trường vĩ mô và ngành phát triển thuận lợi, các máy móc mới với hiệu suất cao được đem vào ứng dụng trong sản xuất, sản phẩm mới có tính đột phá, chiến lược chuyển hướng sang sản xuất tự chủ (hạn chế đơn hàng gia công) cùng với chính sách thúc đẩy bán hàng bước đầu phát huy hiệu quả. Nhờ đó, doanh thu của Công ty năm 2019 ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng ở mức 28,78% và lợi nhuận sau thuế cũng tăng 12,09%. Tuy nhiên, dù Công ty

đã làm tốt ở khâu quản lý chi phí trực tiếp nhưng từ khâu quản lý chi phí bán hàng trở xuống, Công ty vẫn còn vướng 1 số khó khăn. Trong đó, chi phí bán hàng và quản lý tăng mạnh là do chi phí nhân công tăng năm vừa qua, khi Công ty tập trung tuyển dụng, bồi dưỡng và đào tạo lại đội ngũ bán hàng và đội ngũ quản lý trung gian để chuẩn bị mở rộng quy mô hoạt động. ALTA kỳ vọng trong năm 2020 và các năm tới, khi đội ngũ nhân lực này hoạt động ổn định thì doanh thu có thể tăng cao hơn, từ đó hiệu quả của khoản chi phí đã đầu tư trong giai đoạn này có thể được phát huy. Ngoài ra, lợi nhuận từ hoạt động tài chính và lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết giảm cũng là những yếu tố khiến mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế bị chậm lại. Trong những năm tới, Công ty sẽ theo dõi sát sao hơn về biến động của lãi suất và tỷ giá trên thị trường, cũng như tăng cường hỗ trợ các công ty liên doanh liên kết để kịp thời có những chiến lược phù hợp và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực như năm nay.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

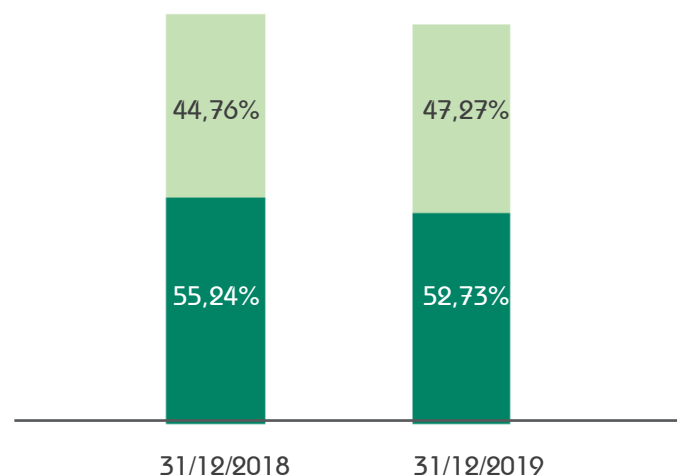
Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	Thay đổi (%)
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	138.728	129.239	-6,84%
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.395	17.338	-46,48%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.992	34.047	9,86%
Các khoản phải thu ngắn hạn	32.213	44.813	39,12%
Hàng tồn kho	41.676	32.031	-23,14%
Tài sản ngắn hạn khác	1.453	1.010	-30,46%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	112.391	115.856	3,08%
Các khoản phải thu dài hạn	2.567	4.867	89,60%
Tài sản cố định	42.083	49.289	17,12%
Bất động sản đầu tư	29.256	28.298	-3,27%
Tài sản dở dang dài hạn	5.800	5.154	-11,14%
Đầu tư tài chính dài hạn	17.826	18.894	5,99%
Tài sản dài hạn khác	14.859	9.354	-37,05%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	251.119	245.095	-2,40%

Tính đến cuối năm 2019, tài sản ngắn hạn của ALTA giảm 6,84% (tương đương -9,5 tỷ), chủ yếu đến từ khoản tiền và tương đương tiền giảm (-46,48% tương đương -15,06 tỷ). Tuy nhiên, quy mô tài sản ngắn hạn giảm không phải vì Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh mà là do một phần Công ty dùng tiền thanh toán cho các khoản nợ, phần khác để đẩy mạnh đầu tư cho tài sản cố định và cho các công ty liên doanh liên kết nhằm chuẩn bị tốt hơn cho giai đoạn phát triển sâu rộng trong tương lai. Minh chứng đó là tài sản dài hạn của Công ty cuối năm 2019 đã được ghi nhận tăng 3,08% (tương đương +3,47 tỷ) so với cùng kỳ năm ngoái – biến động ngược chiều với tài sản ngắn hạn.

Những thay đổi này cũng dẫn đến sự dịch chuyển nhẹ 2,51% trong cơ cấu tài sản của ALTA.

QUY MÔ VÀ CƠ CẤU TÀI SẢN



■ Tài sản dài hạn ■ Tài sản ngắn hạn

Tình hình nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	Thay đổi (%)
C. NỢ PHẢI TRẢ	39.574	29.737	-24,86%
Nợ ngắn hạn	39.574	29.737	-24,86%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.518	12.538	-24,09%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	813	898	10,48%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.437	2.821	96,27%
Phải trả người lao động	2.717	4.700	72,98%
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	410	-
Phải trả ngắn hạn khác	7.534	4.689	-37,77%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9.643	2.769	-71,28%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	912	912	0,00%
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	211.545	215.357	1,80%
Vốn chủ sở hữu	211.545	215.357	1,80%
Vốn góp của chủ sở hữu	61.725	61.725	-
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	61.725	61.725	-
Thặng dư vốn cổ phần	137.662	137.662	-
Vốn khác của CSH	2.141	2.141	-
Cổ phiếu quỹ	(11.667)	(11.667)	-
Quỹ đầu tư phát triển	2.244	2.244	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.440	23.252	19,61%
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	11.945	14.850	24,33%
LNST chưa phân phối năm nay	7.495	8.401	12,09%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	251.119	245.095	-2,40%

Trong năm, do ALTA chủ động thanh toán các khoản phải trả (chủ yếu là khoản phải trả người bán, phải trả ngắn hạn khác) và nợ vay tài chính nên tổng nợ phải trả của Công ty cuối năm giảm 24.86% (tương đương 9,84 tỷ) so với cùng kỳ. Ngoài ra, cũng như năm 2018, năm nay Công ty tiếp tục không sử dụng nợ dài hạn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình nên cơ cấu nợ phải trả của Công ty chỉ có nợ ngắn hạn.

Ngược với biến động của nợ, tổng vốn chủ sở hữu cuối năm 2019 ghi nhận mức tăng nhẹ 1,8% (tương đương với 3,81 tỷ). Khoản tăng này chủ yếu đến từ lợi nhuận giữ lại vì kết quả kinh doanh năm nay của Công ty đạt được nhiều kết quả khả quan.

Nhìn chung, vì giá trị nợ phải trả giảm nhiều hơn giá trị vốn chủ sở hữu tăng nên tổng cộng nguồn vốn cuối năm vẫn giảm 2,4% (6,03 tỷ). Cơ cấu nguồn vốn cũng có sự dịch chuyển nhẹ 3,63%.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020 được dự báo sẽ là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế khi mà ảnh hưởng tiêu cực của thương chiến Mỹ - Trung trước đó chưa kịp phục hồi thì dịch bệnh Covid-19 lại bùng phát trên toàn cầu, gây tác động xấu cho nhiều ngành công nghiệp ở nhiều nền kinh tế khác nhau. Kịch bản xấu nhất là khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu gần như không thể tránh khỏi.

Là một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng hàng hóa, ngành sản xuất bao bì chắc chắn cũng sẽ bị ảnh hưởng không ít. Do đó, các doanh nghiệp hoạt động trong ngành này sẽ gặp phải nhiều khó khăn trong năm tới khi cả nguồn cung nguyên liệu đầu vào lẫn thị trường tiêu thụ đầu ra đều bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế. Trước bối cảnh đó, ALTA đã cân nhắc kỹ lưỡng vị thế hiện tại của mình cũng như các yếu tố bên ngoài để đưa ra kế hoạch kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu đánh giá kế hoạch	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thay đổi (%)
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.280	7.000	-22,18%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.401	5.600	-23,82%
Chia cổ tức	%	9%	7%	-11,11%



Biện pháp thực hiện

- Tiếp tục các bước chuẩn bị cần thiết cho mục tiêu hàng đầu của Công ty là từng bước chuyển đổi toàn diện từ hoạt động SXKD truyền thống sang ứng dụng công nghệ tự động, hiện đại;
- Tập trung phát triển các sản phẩm mang thương hiệu ALTA thay vì nhận hợp đồng gia công;
- Chủ động trong nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm thân thiện với môi trường nhằm bắt kịp xu hướng chuyển đổi hành vi tiêu dùng hiện nay, từ đó củng cố vị thế của ALTA trên thị trường;
- Tiếp tục chú trọng vào mảng thương mại và dịch vụ vì mảng này có nhiều tiềm năng phát triển lâu dài;
- Tăng cường công tác dự báo và quản trị rủi ro nhằm kịp thời đưa ra những phương án ứng phó thích hợp trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn;
- Thắt chặt sự phối hợp giữa các công ty thành viên nhằm tăng hiệu quả trong công tác cung ứng nguyên liệu, hàng hóa và công tác sản xuất;
- Tăng cường công tác đào tạo CBCNV nhằm nâng cao năng suất làm việc, đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty.





BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc điều hành Công ty
- Kế hoạch năm 2020



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT CỦA CÔNG TY



Năm 2019, tình hình quốc tế diễn biến phức tạp và có nhiều yếu tố không thuận lợi. Kinh tế thế giới, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm lại; cạnh tranh chiến lược và căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng; giá vàng tăng cao, giá dầu thô biến động mạnh; rủi ro trên thị trường quốc tế tăng lên; nhiều quốc gia nói lỏng chính sách tài chính, tiền tệ;... tình hình khu vực, biển Đông diễn biến rất phức tạp. Trong khi đó, những khó khăn, hạn chế nội tại của nền kinh tế và thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của người dân Việt Nam.

Tăng trưởng kinh tế đạt khá cao, năng suất lao động và chất lượng tăng trưởng tiếp tục được cải thiện; kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn. Tốc độ tăng GDP cả năm ước đạt trên 7,02 %, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao hàng đầu khu vực, thế giới.

"Năm 2019, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại nhưng Việt Nam vẫn giữ mức tăng trưởng cao, gặt hái được nhiều kỷ lục trên các lĩnh vực và tạo bứt phá cho nền kinh tế. Vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng lên rõ rệt; văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, giảm nghèo đạt kết quả tích cực, đời sống nhân dân được nâng lên" - Thủ tướng Chính phủ nhận định.

Năm 2019, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban điều hành đã nỗ lực ổn định và phát triển các ngành sản xuất theo nhiều hướng mới, giữ vững thu nhập của các ngành dịch vụ đã có sẵn, hoàn thành kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đồng thời tạo tiền đề vững chắc cho các năm sắp đến.

Thành quả lớn nhất là việc chuyển dịch thành công các cơ cấu sau: từ sản xuất đơn thuần sang sản xuất sản phẩm và làm chủ công nghệ; từ truyền thông đơn hàng sang truyền thông kết hợp công nghệ và nội dung.

Những điểm mạnh

- Đội ngũ lao động trẻ và giỏi đã phát huy tính năng động và sáng tạo, khả năng làm việc đội nhóm tốt, dám nghĩ dám làm, mạnh dạn chế tạo được các máy móc hỗ trợ sản xuất nhựa sẵn có và cả các ngành kinh doanh mới;
- Phát triển sản phẩm công nghệ truyền thông theo hướng đón đầu xu hướng và cập nhật tiến bộ của thế giới về nội dung và chất lượng để tạo chỗ đứng và dấu ấn công nghệ riêng;
- Tình hình sức khỏe tài chính Công ty luôn ổn định và rất lành mạnh, Công ty không gặp khó khăn về tín dụng và luân chuyển vốn. Tuy nhiên sâu xa, phải chăng sự an toàn và vững vàng làm công ty thiếu đi động lực vượt khó của thập niên trước;
- Sự nghiệp phát triển doanh nghiệp luôn song hành với việc kết hợp sức mạnh nội lực của Công ty và mối liên kết hợp tác chân thành của các công ty con, công ty liên kết cũng như với nhà cung ứng và ngay cả khách hàng;
- Hoạt động điều hành doanh nghiệp chưa thực sự xây dựng được mối liên hệ khăng khít với hoạt động quản trị doanh nghiệp nhằm tác động qua lại và thúc đẩy nhau cùng phát triển.



Những điểm yếu

- Nguồn nhân lực tại chỗ mặc dù đã được chú trọng và tạo mọi điều kiện nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của việc chuyển dịch cơ cấu và tổ chức;
- Năng suất và điều kiện lao động chưa đồng đều trên các lĩnh vực đã trở thành rào cản cho việc tăng mạnh tích lũy vốn cũng như tăng thu nhập cho chính các thành viên;
- Công tác thông tin báo cáo cũng chưa đạt yêu cầu thông suốt và kịp thời, chưa cân bằng được mong muốn của lãnh đạo và tổ chức cần có của nhân viên.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Trước tình hình của năm 2019, Ban Giám đốc điều hành Công ty đã mạnh dạn trong việc thay đổi tư duy quản lý để ổn định sản xuất, chuyển dịch sang một cơ cấu mới phù hợp thời thế và hướng đi tất yếu của Công ty. Cùng với toàn thể công nhân viên Công ty, Ban Giám đốc điều hành đã có một năm hoạt động năng động nhịp nhàng để hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng nếu chú ý tập trung khắc phục các điểm yếu trên đây, Ban Giám đốc điều hành sẽ sớm tạo được nền tảng tốt để mạnh dạn phát triển Công ty.



Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Thực hiện/Kế hoạch
Lợi nhuận trước thuế	9.500.000.000	10.279.515.524	108%
Lợi nhuận sau thuế	8.000.000.000	8.401.309.085	99%
Chia cổ tức	9%	9%	100%

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	So sánh
Lợi nhuận trước thuế	8.494.407.917	10.279.515.524	121%
Lợi nhuận sau thuế	7.494.992.753	8.401.309.085	112%
Chia cổ tức	8%	9%	113%

KẾ HOẠCH NĂM 2020



Triển vọng nền kinh tế năm 2020

- Mục tiêu hàng đầu năm 2020 vẫn là ổn định, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cùng đó là yêu cầu giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo quốc gia và môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển, nâng cao uy tín và vị thế của quốc gia trên trường quốc tế.
- Thực tế trong những tháng đầu năm, dịch COVID-19 đã làm thay đổi toàn bộ ..., tất cả các nền kinh tế lớn của thế giới đều bị ảnh hưởng. Doanh thu hàng không toàn cầu được dự báo là thiệt hại khoảng 30 tỷ USD; du lịch thiệt hại khoảng 80 tỷ USD; tâm lý bi quan khiến tất cả thị trường chứng khoán toàn cầu giảm điểm mạnh; USD tăng giá mạnh (đã tăng 4% kể từ đầu năm); giá vàng tăng cao nhất trong 7 năm qua; giá dầu thế giới đã giảm thấp, có thời điểm xuống dưới 15 USD/thùng.
- Những thông tin này cùng diễn biến hiện nay của dịch bệnh đang khiến cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam rất quan tâm và không khỏi lo lắng trước những tác động của dịch bệnh, cùng những ảnh hưởng tiêu cực đối với mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại và đầu tư trong nước.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự báo những ngành ảnh hưởng trực tiếp do dịch gồm xuất nhập khẩu, du lịch, vận tải; những ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng gián tiếp gồm sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; sản xuất công nghiệp như: sản xuất, chế biến thực phẩm, công nghiệp điện - điện tử, da giày, dệt may, thương mại nội địa, đầu tư, thu chi ngân sách, phát triển doanh nghiệp...

Các chỉ tiêu phát triển năm 2020

Chỉ tiêu đánh giá kế hoạch	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
Lợi nhuận trước thuế	10.279.515.524	7.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	8.401.309.085	5.600.000.000
Chia cổ tức	9%	7%

Mục tiêu năm 2020

- Tiếp tục duy trì cơ cấu kinh tế hiện hữu; Xác định sản xuất công nghiệp theo hướng hiện đại hóa kết hợp với phát triển thương mại và dịch vụ theo chiến lược hoạt động của Công ty.
- Xác định mục tiêu chiến lược của ALTA: từng bước chuyển đổi toàn diện từ hoạt động SXKD truyền thống sang ứng dụng công nghệ tự động, hiện đại. Chuyển đổi qua kinh tế số, công nghệ 4.0 làm động lực tăng trưởng và đổi mới sáng tạo cạnh tranh với thị trường.
- Tập trung đầu tư nghiên cứu sáng tạo các sản phẩm y tế điện tử kết hợp công nghệ số ứng dụng thời đại dịch họa và bảo vệ môi trường.
- Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới công nghệ sản xuất và phương thức kinh doanh tự động và trực tuyến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động SXKD của công ty đồng thời để ứng phó với mọi tình hình biến động nền kinh tế xã hội.
- Tập trung tìm cơ hội đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu và không ngừng mở rộng thị phần sản phẩm ALTA, xây dựng và bảo vệ thương hiệu ALTA.
- Trích các nguồn dự phòng của công ty nhằm bảo đảm ổn định sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống người lao động và duy trì mức chi trả cổ tức an toàn cho cổ đông.
- Tăng cường công tác huấn luyện đào tạo, thu hút nguồn nhân lực tài giỏi đáp ứng cho yêu cầu phát triển của Công ty.
- Củng cố và xây dựng văn hóa Doanh nghiệp, coi văn hóa ALTA là cốt lõi và là nền tảng cho sự phát triển. Không ngừng đổi mới, sáng tạo để phát triển.

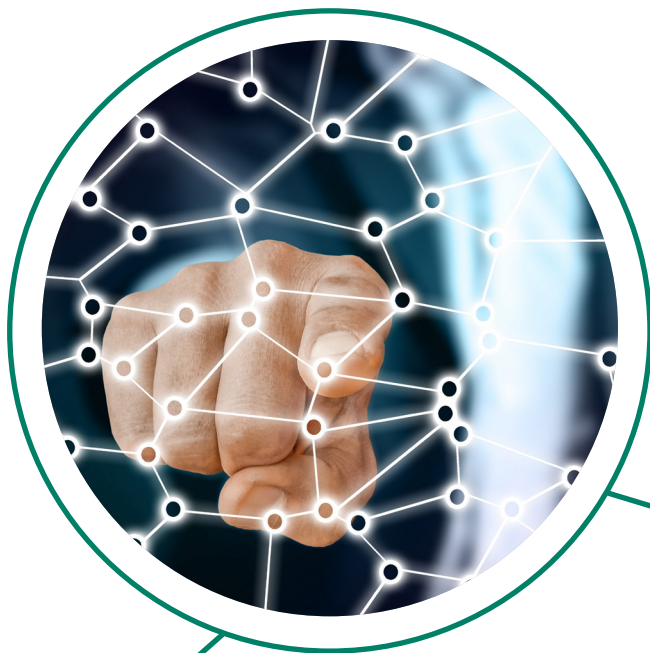
Nhiệm vụ thực hiện

- Tiếp tục thực hiện chính sách "Hướng tới khách hàng và cam kết chất lượng sản phẩm" với phương châm "ALTA là người bạn liên kết chân thành".
- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất kinh doanh bằng các biện pháp kết hợp: kinh tế và hành chính, chế tài và khích lệ, động viên cải tiến, ứng dụng khoa học kỹ thuật, thúc đẩy năng suất lao động, thực hành tiết kiệm, hạ giá thành sản phẩm, bảo đảm hiệu quả và nâng cao tính cạnh tranh.
- Thực hiện chương trình Văn Hóa Doanh nghiệp gồm 4 nội dung:
 - Xây dựng con người ALTA: Hiểu biết - Chân thật và Nhân ái.
 - Xây dựng phong cách ALTA:
 - + Trách nhiệm - Năng động trong công việc
 - + Khiêm tốn - Cởi mở trong ứng xử.
 - Xây dựng sản phẩm ALTA: Chất lượng - Hữu lợi và Thỏa mãn khách hàng.
 - Xây dựng môi trường ALTA:
 - + "Ngôi nhà ALTA": Xanh - Sạch - Đẹp và An toàn
 - + "Cộng đồng ALTA": Công bằng - Văn minh - Đoàn kết - Vui sống lành mạnh - Tương trợ cùng thăng tiến.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Đào tạo về quản trị công ty



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

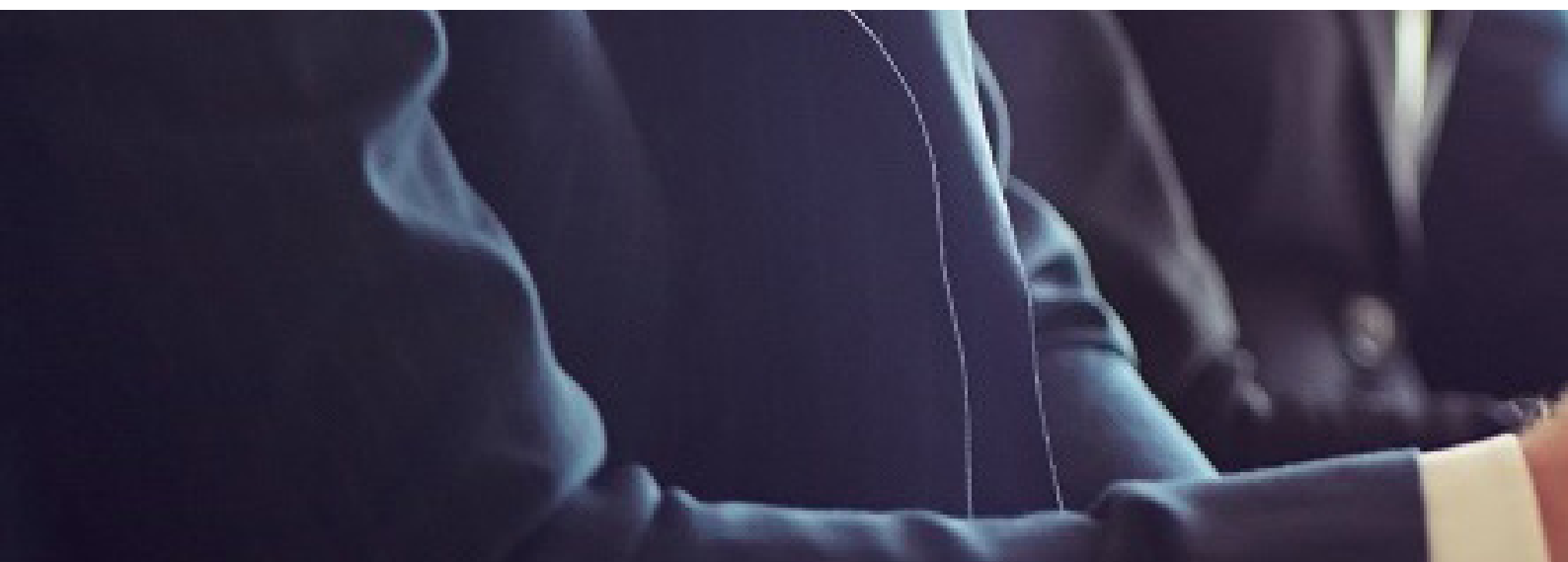
Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch	Không điều hành
2	Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch	Kiểm Phó Tổng Giám đốc
3	Ông La Thế Nhân	Thành viên	Không điều hành
4	Ông Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên	Kiểm Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	Không điều hành

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm HĐQT có 04 cuộc họp định kỳ và 04 cuộc họp theo yêu cầu phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ
1	Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch	8/8	100%
2	Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch	8/8	100%
3	Ông La Thế Nhân	Thành viên	8/8	100%
4	Ông Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên	8/8	100%
5	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	8/8	100%



Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

- Hàng quý xem xét báo cáo điều hành và báo cáo tài chính của BGĐ công ty.
- rà soát việc thực thi chiến lược của BGĐ.
- Truyền đạt những yêu cầu và mong đợi của HĐQT cho kỳ kinh doanh tới.
- Kiểm chứng lại mức độ chính xác của các thông tin mà BGĐ cung cấp.
- Dự báo rủi ro có thể xảy ra và yêu cầu BGĐ có biện pháp phòng chống cụ thể.
- Kiểm tra các hoạt động Kiểm soát nội bộ.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

không có

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/03/NQHĐQT/2019	05/03/2019	V/v tổ chức ĐHCĐ năm 2019
2	02/04/NQHĐQT/2019	11/04/2019	Thông qua nghị quyết và các vấn đề trình bày trong việc tổ chức ĐHCĐ năm 2019
3	01/07/NQHĐQT/2019	11/07/2019	V/v Phê duyệt Cty Kiểm toán



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Thái Thị Phượng	Trưởng ban	26/3/2012	4/4	100%
2	Bà Quách Thị Mai Trang	Phó ban	26/3/2012	4/4	100%
3	Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên	26/3/2012	4/4	100%

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Giám sát việc thực hiện các chế độ báo cáo thống kê, khai thuế hàng tháng, báo cáo tài chính;
- Kiểm tra và xác nhận báo cáo tài chính 2019 phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý về việc xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh;
- Góp ý hoàn thiện việc báo cáo định kỳ của các đơn vị trực thuộc.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Tham dự Hội nghị các Tổ chức phát hành đăng ký tại VSD năm 2019 do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam tổ chức ngày 11/10/2019 tại Tp.HCM.
- Tham dự Hội thảo do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước tổ chức tại Hà Nội ngày 30/9/2019.
- Tham dự "Hội nghị Doanh nghiệp Thường niên 2019" do Sở GD&ĐT Hà Nội tổ chức ngày 08/11/2019 tại Phú Quốc.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





Những năm gần đây, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội đang ngày càng được quan tâm và chú trọng. Là một doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế và nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ, nhà cung cấp và người tiêu dùng, ALTA cũng không quên chia sẻ trách nhiệm của mình đối với cộng đồng. Trên cơ sở đó cùng với các mục tiêu phát triển bền vững, ALTA công bố phần báo cáo này để minh bạch hóa những hoạt động hướng tới mục tiêu bền vững mà Công ty đã thực hiện, cũng như một lời cam kết về trách nhiệm của Công ty đối với các bên có liên quan.

Do tầm thức và quy mô hoạt động, Công ty xây dựng phần báo cáo phát triển bền vững tích hợp trong báo cáo thường niên, được xây dựng dựa trên cơ sở Tài liệu hướng dẫn Công bố thông tin về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tháng 10 năm 2016. Báo cáo này bao gồm các nội dung: quản lý nguồn nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, chính sách liên quan đến người lao động, báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương, báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh và trách nhiệm quản trị.



CAM KẾT CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Chính sách chất lượng của ALTA đã nêu rõ những nội dung chủ yếu sau:

Bảo đảm chất lượng sản phẩm

- Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; mang đến những sản phẩm chất lượng cho khách hàng và người tiêu dùng, đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng về an toàn sức khỏe;
- Nâng cao thương hiệu ALTA trên thị trường bằng uy tín đối với đối tác, chân thành với đồng nghiệp, chất lượng đối với khách hàng và người tiêu dùng;
- Kiểm soát chặt chẽ từng quy trình sản xuất và dịch vụ, góp phần vận hành hiệu quả của từng khâu; phối hợp nhịp nhàng giữa các khâu; đưa ra thị trường những sản phẩm chất lượng với chi phí thấp, giá thành cạnh tranh.

Tích cực bảo vệ môi trường

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình xử lý chất thải, nước thải trong quá trình sản xuất trước khi thải ra môi trường nhằm hạn chế tác hại đến môi trường;
- Áp dụng các biện pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên và năng lượng; đồng thời đề ra và thực hiện các phương án tái chế, tái sử dụng nguồn tài nguyên nhằm tránh lãng phí, giảm chi phí sản xuất cho Công ty;
- Không ngừng nghiên cứu những giải pháp mới trong sản xuất để có thể ngày một nâng cao hiệu quả tiết kiệm năng lượng.



Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng môi trường làm việc thuận lợi, thân thiện và hòa đồng, tạo động lực làm việc cho người lao động;
- Đưa ra các chính sách chăm sóc sức khỏe người lao động như khám sức khỏe định kỳ, vệ sinh môi trường tại nơi làm việc, thực hiện nghiêm chỉnh các công tác bảo hộ, an toàn lao động cho từng nhân viên;
- Nâng cao tay nghề và nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động thông qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng;
- Tăng cường phúc lợi cho người lao động dựa trên năng suất làm việc của từng cá nhân, vừa tạo động lực làm việc vừa cải thiện đời sống cho người lao động.

Thực hiện trách nhiệm xã hội

- Nhận thức xã hội là nền tảng phát triển của mọi thể chế, nên Công ty luôn tôn trọng quyền lợi hợp pháp của từng cá nhân và đề cao trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng;
- Với quan điểm “cùng tiến bộ, cùng thành công”, Công ty xây dựng văn hóa doanh nghiệp, góp ý lẫn nhau trên tinh thần đoàn kết, hợp tác;
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện và thoải mái nhằm khuyến khích sáng tạo và chủ động của từng cán bộ công nhân viên; từ đó góp phần mang lại hiệu quả cao trong công việc.



QUÁ TRÌNH TIẾN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 1993

Công ty đã liên doanh với đối tác Đài Loan để sản xuất một hàng khăn giấy ướt thơm Luxta sử dụng một lần góp phần bảo vệ môi trường – đây là một hàng lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam.

Năm 2002

Công ty là doanh nghiệp đầu tiên sản xuất bao bì tự hủy thân thiện với môi trường để xuất khẩu sang Châu Âu, Châu Úc.

Năm 2006

ALTA đã đạt Danh hiệu “DOANH NGHIỆP UY TÍN – CHẤT LƯỢNG NĂM 2006” do Mạng Doanh nghiệp Việt Nam trao tặng trên cơ sở ý kiến bình chọn của người tiêu dùng.

Năm 2000

Công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam đã sản xuất Hạt màu chủ (masterbatch) – một nguyên liệu nhựa thân thiện môi trường để thay thế bột màu độc hại trong thành phần sản phẩm nhựa tiêu dùng.

Năm 2005

Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã đến tham quan đây chuyển sản xuất bao bì tự phân hủy của Công ty và đề nghị sản xuất và phân phối rộng sản phẩm này tại thị trường trong nước.

Năm 2007

ALTA cũng đạt giải ba “DOANH NGHIỆP XANH” lần 1 năm 2006 do UBND TP.HCM trao tặng ngày 01-02-2007.

Giải thưởng này nhằm biểu dương, tôn vinh những doanh nghiệp tiêu biểu có ý thức và hoạt động hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường, đóng góp tích cực cho phong trào bảo vệ môi trường cùng cộng đồng; cố gắng xóa bỏ rào cản “xanh” để tạo thêm cơ hội xâm nhập thị trường thương mại thế giới, nhất là khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Năm 2009

Công ty sản xuất sản phẩm bao bì nhựa tự hủy ARO sử dụng trong gia đình và được siêu thị Metro đặt làm nhãn hàng riêng.

Năm 2014

Công ty được UBND TP HCM khen thưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ môi trường - đạt giải thưởng Môi trường Tp.HCM năm 2014.

Năm 2016

Công ty được HEPZA trao danh hiệu "Doanh nghiệp Khu công nghiệp Tp HCM tiêu biểu". Công ty đã đưa vào thị trường 2 nhãn hiệu Khăn trải đa năng NEAT và Túi rác có hương OXO.

Năm 2018

Công ty ALTA PLASTIC đã tham gia và hỗ trợ chương trình "Ngày hội sống xanh TP.HCM NĂM 2018" do sở Tài Nguyên và Môi trường tổ chức vào ngày 03/06/2018 tại công viên Lê văn Tám.

Năm 2012

Sản phẩm bao bì nhựa phân hủy sinh học và bao bì nhựa Alta được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện môi trường.

Năm 2015

Công ty được Sở Tài Nguyên Môi trường TP HCM khen thưởng về thành tích xuất sắc trong Chương trình Giảm sử dụng túi ni-lông trên địa bàn Tp. HCM.

Năm 2017

Công ty Alta Plastic (công ty con 100% vốn của ALTA) được Sở Tài nguyên Môi trường tặng giấy khen đã có đóng góp tích cực cho Chương trình Ngày hội Tái chế chất thải giai đoạn 10 năm (2008 – 2017).

Năm 2019

Công ty ALTA PLASTIC đã tham gia và hỗ trợ chương trình "Ngày hội sống xanh TP.HCM NĂM 2019" do sở Tài Nguyên và Môi trường tổ chức vào ngày 02/06/2019 tại công viên Lê văn Tám.

VỊ THẾ HIỆN TẠI CỦA CÔNG TY TRONG HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Xuất phát từ sự hợp tác tình cờ với khách hàng nước ngoài, ALTA đã “bén duyên” với các sản phẩm thân thiện với môi trường và từ đó gây dựng cho mình định hướng lan tỏa trách nhiệm và ỳ thức về bảo vệ môi trường tại Việt Nam với slogan “HÃY NGHĨ ĐẾN NGÀY MAI”. Đây được xem là một định hướng khá mới mẻ trong giai đoạn những năm 90, nhưng Công ty đã sớm lấy đó làm kim chỉ nam cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình: hướng về phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường.

Từ năm 2000, sau khi khái niệm phát triển bền vững từ Ủy ban Môi trường và Phát triển của Liên Hợp Quốc năm 1987 bắt đầu được biết đến nhiều hơn tại Việt Nam (“Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm thoả mãn các nhu cầu hiện tại của con người nhưng không tổn hại tới sự thoả mãn các nhu cầu của thế hệ tương lai”), ALTA càng đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu và phát triển những sản phẩm “xanh”. Sau đó, dưới nỗ lực của các cấp quản lý, đội ngũ R&D và toàn thể nhân viên trong Công ty, các sản phẩm này lần lượt được ra đời và đưa đến tay nhiều người tiêu dùng trong cả nước. Một số mặt hàng tiêu biểu gồm có: hạt màu chủ masterbatch, bao bì tự hủy, túi đi biển sử dụng một lần, túi vải non wowen, khăn giấy ướt luxta, tấm trải đa năng Neat, Túi rác mùi hương OXO...

Không dừng lại ở đó, nhằm áp dụng tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm do Hiệp hội bán lẻ Anh Quốc BRC (British Retailer Consortium), hệ thống quản lý chất lượng cao theo tiêu chuẩn ISO 9001 với nhiều phiên bản cập nhật liên tục từ 2002 đã được ALTA xây dựng và đưa vào quy trình quản lý nhằm gia tăng hiệu quả quản lý chất lượng sản phẩm.

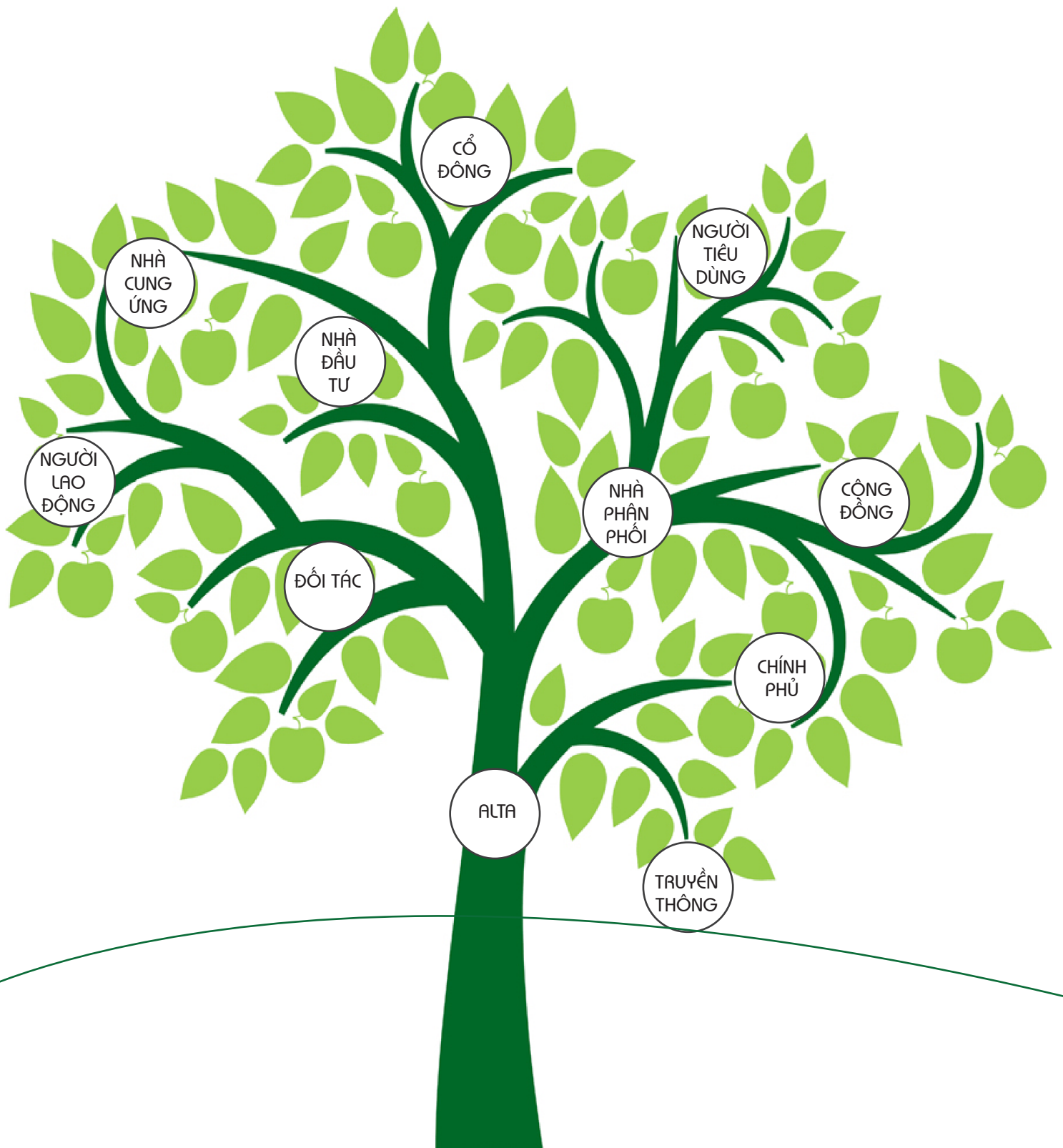
Bên cạnh hoạt động sản xuất hướng đến các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng yêu cầu thân thiện và bảo vệ môi trường, ALTA cũng cố gắng xây dựng, chăm chút cho những yếu tố phi tài chính khác như hình ảnh logo, thương hiệu. Logo của Công ty được thiết kế dựa trên hình ảnh chiếc lá với màu xanh đặc trưng, thể hiện quan điểm “xanh” của Công ty trong sản xuất và hoạt động. Hình ảnh này được lan truyền rộng rãi không chỉ thông qua các kênh truyền thông mà còn qua bao bì của sản phẩm mà Công ty phân phối khắp thị trường. Nhờ những cố gắng đó, Thương hiệu “DOANH NGHIỆP XANH” đã trở thành ảnh đặc trưng của ALTA.

Năm 2006, doanh nghiệp ngành văn hóa đầu tiên đi theo hướng cổ phần hóa. Là một công ty đại chúng, việc công bố thông tin minh bạch và chính xác là điều cần thiết và nó cũng góp phần củng cố cho uy tín và thương hiệu của ALTA. Trong báo cáo thường niên hàng năm, Công ty luôn có một phần riêng dành cho báo cáo về tác động đến môi trường và xã hội. Tuy nhiên, kể từ năm 2016, khi quy mô hoạt động của Công ty được mở rộng, phần này cũng được phát triển thành báo cáo phát triển bền vững, được tích hợp vào trong báo cáo thường niên. Tại đây, Công ty có thể công bố thông tin và khẳng định về vai trò, trách nhiệm và cam kết của mình đối với các bên liên quan: bảo vệ môi trường, phát triển xã hội, tạo điều kiện phát triển cho người lao động và thêm vào đó là đảm bảo lợi ích cho cổ đông. Cho tới thời điểm hiện tại, Công ty vẫn luôn kiên quyết đi theo định hướng này.

XÁC ĐỊNH TRÁCH NHIỆM

- Hội đồng Quản trị công ty là cấp lãnh đạo cao nhất có trách nhiệm định hướng cụ thể mục tiêu phát triển bền vững, trên cơ sở đó giám sát quá trình phân tích, tổng hợp và báo cáo bền vững.
- Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xác định các vấn đề trọng yếu, thành lập tổ công tác, giải trình về quá trình lập và tổng hợp báo cáo.
- Các tổ công tác có trách nhiệm thu thập dữ liệu, phân tích vị thể hiện tại và tham vấn các bên liên quan.
- Báo cáo bền vững là cam kết của doanh nghiệp sau khi đã nhìn rõ thực tại của mình, lắng nghe trong đối thoại trung thực với các bên liên quan và cuối cùng là trách nhiệm cải tiến liên tục.

MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN



Các bên liên quan	ALTA làm sao biết?	Họ cần gì?	ALTA cam kết
1. Cổ đông 	Đại hội cổ đông Website Alta	Cổ tức tốt. Doanh nghiệp phát triển	Nâng cao hiệu quả - Sinh lợi tối ưu - Phát triển DN theo hướng ổn định và bền vững - Thông tin minh bạch.
2. Nhà đầu tư 	Thu thập thông tin Website Alta	Biết được tình hình sinh lợi. Hướng phát triển tốt.	Nâng cao hiệu quả - Sinh lợi tối ưu - Phát triển DN theo hướng ổn định và bền vững - Thông tin minh bạch.
3. Người tiêu dùng 	Thu thập thông tin từ các kênh: bán hàng, online...	Hàng hóa, dịch vụ an toàn, chất lượng tốt, giá hợp lý...	Nâng cao uy tín thương hiệu - sản phẩm và dịch vụ chất lượng tốt, bảo đảm quyền lợi sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.
4. Nhà phân phối 	Gặp gỡ trực tiếp, Hợp đồng ký kết	Hàng hóa chất lượng Chính sách bán hàng phù hợp	Nâng cao uy tín thương hiệu - sản phẩm và dịch vụ chất lượng tốt. Chính sách giá hợp lý - Cùng phát triển bền vững
5. Đối tác DN cùng ngành 	Hội nghị Hợp đồng	Hợp tác phát triển. Cạnh tranh lành mạnh	Luôn là người bạn chân thành, hợp tác hoặc cạnh tranh theo phương châm cùng thắng (Win&Win)
6. Nhà cung ứng 	Gặp trực tiếp Hợp đồng ký kết Tham quan thực tế	DN phát triển Bạn hàng lâu dài Thanh toán tốt	Hợp đồng trách nhiệm rõ ràng - Yêu cầu về xã hội và môi trường - Thanh toán đúng hạn
7. Người lao động 	Thông cáo báo chí Thu thập thông tin	Thông tin chính xác, minh bạch, kịp thời	Bảo đảm các thông tin luôn minh bạch, cập nhật hóa và trung thực
9. Cộng đồng 	Tiếp xúc trực tiếp Thông tin từ cộng đồng	DN tham gia, đóng góp cho xã hội, cho địa phương theo khả năng	Thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động phát triển cộng đồng địa phương - Hỗ trợ cộng đồng địa phương cách tốt nhất
10. Chính phủ 	Hội nghị, hội thảo Các tổ chức đoàn thể Các quy định chung hoặc riêng biệt	Tuân thủ quy định Thông tin minh bạch Doanh nghiệp phát triển	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế - Tuân thủ pháp luật - Đóng góp xây dựng Chính phủ vì dân và vì xã hội.

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG (E)

Chỉ tiêu EA – Quản lý chất thải

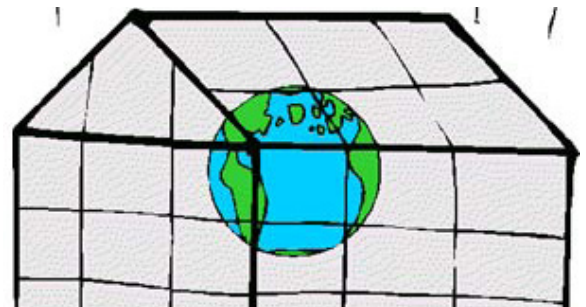
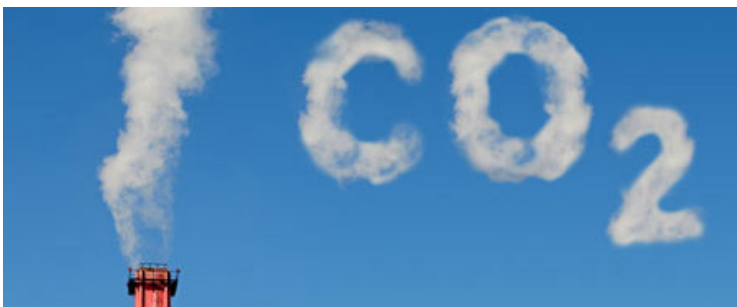
EA.1 – Quản lý khí thải nhà kính

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất khăn giấy thơm, sản xuất bao bì nhựa nên Công ty luôn quan tâm đến từng quy trình sản xuất, kiểm soát lượng khí thải, xử lý kịp thời các vấn đề xảy ra làm tác động trực tiếp đến môi trường và sức khỏe nhân viên. Do đó, Công ty thực hiện đo đạc quan trắc môi trường lao động định kỳ mỗi năm 01 lần với các chỉ tiêu sau:

- Vi khí hậu: nhiệt độ (độ C); độ ẩm (%); tốc độ gió (m/s)
- Yếu tố vật lý: Ánh sáng (Lux); Tiếng ồn chung (dBA); Tiếng ồn phân tích theo dãy số (Hz)
- Yếu tố bụi: Bụi hô hấp không chứa silic (mg/m³)
- Yếu tố hóa học: Hơi khí CO, SO₂, NO₂ (mg/m³)

Do ALTA không sử dụng lò hơi trong quá trình sản xuất cũng như không sử dụng máy phát điện và không lắp đặt hệ thống xử lý khí thải nên không phát thải khí tại nguồn.

Kết quả lần đo đạc mới nhất ngày 03/10/2019



Vi khí hậu:

- Nhiệt độ: tất cả 02/02 mẫu đo nhiệt độ tại thời điểm kiểm tra đều đạt Tiêu chuẩn cho phép (TCCP) theo QCVN 26:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.
- Độ ẩm: tất cả 02/02 mẫu đo độ ẩm đều đạt TCCP theo QCVN 26:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.
- Tốc độ gió: Tất cả 02/02 mẫu đo vận tốc gió đều đạt TCCP theo QCVN 26:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.

Ánh sáng:

- Tất cả 02/02 mẫu đo ánh sáng đều đạt Tiêu chuẩn Vệ sinh lao động (TCVSLĐ) cho phép theo QCVN 22:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.

Tiếng ồn:

- Tiếng ồn chung: tất cả 02/02 mẫu đo tiếng ồn chung đều đạt TCVSLĐ cho phép theo QCVN 24:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.
- Tiếng ồn phân tích dãy tần: Phân tích tại nơi làm việc, vị trí, kết quả cho thấy tất cả vị trí tiếng ồn ở các dãy tần đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo QCVN 24:2016/BYT.

Bụi các loại:

- Tất cả 02/02 mẫu đo bụi hô hấp không chứa silic đều có kết quả đạt TCVSLĐ cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ 100% số mẫu đo.

Hơi hóa học và khí độc:

- CO: Tất cả 02/02 mẫu đo CO tại các vị trí đo đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo, (giá trị cho phép theo TWA $\leq 20\text{mg/m}^3$).
- SO₂: Tất cả 01/01 mẫu đo SO₂ tại các vị trí đo đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo, (giá trị cho phép theo TWA $\leq 5\text{mg/m}^3$).
- NO₂: Tất cả 01/01 mẫu đo NO₂ tại các vị trí đo đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo, (giá trị cho phép theo TWA $\leq 5\text{mg/m}^3$).



EA.2 – Về nước thải và chất thải

Về nước thải:

Lượng nước thải của Công ty chủ yếu đến từ nước thải sinh hoạt và nước mưa và không phát thải chất thải, nước thải trong quá trình sản xuất, do:

- Khu vực sản xuất sử dụng tuần hoàn nước để làm mát các hạt CaCO_3 và hạt tái sinh, sau đó đưa lại vào quá trình sản xuất;
- Tại Công ty Nhựa Âu Lạc, quá trình sản xuất có sử dụng nước để làm nguội các sợi keo trước khi cắt thành hạt nhựa tái sinh. Nước làm nguội được xử lý qua tháp giải nhiệt tuần hoàn và được tái sử dụng nhiều lần để làm nguội, hàng tháng định kỳ làm vệ sinh máng nước giải nhiệt thì nước trong máng sẽ được mang đi tưới cây nên không phát sinh nước thải công nghiệp.

Bên cạnh quy trình tái chế nước thải trong sản xuất, Công ty đã ban hành chính sách bảo vệ môi trường tại văn phòng làm việc và môi trường xung quanh như sau:

- Vào thời điểm mùa mưa, lượng nước mưa lớn sẽ hạn chế việc xử lý nước thải kịp thời, làm ứ đọng và sai sót trong quá trình xử lý, gây ô nhiễm môi trường nên Công ty áp dụng 02 hệ thống thoát nước cho từng nhà máy: 01 của nước thải sinh hoạt – 01 của nước mưa;
- Nước thải sinh hoạt sẽ được chứa bằng bể tự hoại, sau khi qua bể tự hoại sẽ được dẫn ra ống thoát nước chung;
- Tuyên truyền nhân viên sử dụng nước tiết kiệm, giảm thiểu xả nước thải ra môi trường;
- Hạn chế sử dụng chất hóa học trong quá trình làm sạch môi trường và trong sản xuất.

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG (E)

Chỉ tiêu EA – Quản lý chất thải

EA.2 – Về nước thải và chất thải

Về nước thải:

Tổng lượng nước tiêu thụ và nguồn cung cấp nước tại các Nhà máy, Công ty con của ALTA:

- Nhà máy Alta: 2.402 m³ do Công ty Cổ Phần Sản Xuất - Dịch Vụ Tân Bình Tanimex cung cấp (hàng tháng đều được lấy nước đi kiểm định tại đầu nguồn trước khi cấp vào cho các DN sử dụng)
- Công ty TNHH DV Truyền Thông Âu Lạc: 648 m³ do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Tổng lượng nước thải cả Công ty là 08,4m³/ngày.

Kết quả phân tích ngày 09/10/2019

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn VN
1	pH ^(a,b)	-	6,57	5,5-9
2	Chất thải lơ lửng SS ^(a,b)	mg/l	42	100
3	BOD5 (20oC) ^(a,b)	mg/l	35	50
4	COD ^(a,b)	mg/l	68	150
5	Tổng Nitơ (*)	mg/l	21,8	40
6	Tổng Photpho	mg/l	1,91	6
7	Amomi-N-NH4+	mg/l	8,62	10

Về chất thải:

- Chất thải rắn sinh hoạt & công nghiệp:

Các chất thải sinh hoạt bao gồm: thùng carton, giấy, màng & các chất thải khác phục vụ sản xuất, vận chuyển. Các chất thải này được chuyển giao cho Công ty Môi trường Đô thị TP.HCM thu gom hàng ngày.

STT	Tên chất thải thông thường	Số lượng (kg)/năm
1	Chất thải rắn sinh hoạt	10.920
2	Khăn giấy lỗi	720
Tổng số		11.640



- Chất thải nguy hại:

Khối lượng chất thải nguy hại của ALTA và Công ty con – Công ty ALTA PLASTIC phát sinh ít nên định kỳ các chất thải này được giao Công ty Môi trường Đô thị TP.HCM xử lý triệt để với số lượng năm 2019 như sau:

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Số lượng (kg)/năm
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	16
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	203
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	0
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	1.270
Tổng số			1.489

Ngoài ra, Công ty cũng có những phương án xử lý phù hợp đối với các loại chất thải khác trước khi giao cho Công ty Môi trường Đô thị TP.HCM xử lý:

- Giẻ lau dính mực in, dung môi đựng trong bao bì nhựa, chứa trong khu vực có mái che.
- Dầu, nhớt thải chứa trong thùng phụ, có nắp đậy.
- Bóng đèn huỳnh quang và bao bì mềm thải chứa trong thùng phụ.

Đợt thu gom đầu tiên vào ngày 16/05/2019, bao gồm:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (Kg)	Mã CTNH
1	Giẻ lau dính mực in, dung môi	Rắn	78	18 02 01
2	Dầu, nhớt thải	Lỏng	0	17 02 03
3	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	6	16 01 06
4	Bao bì mềm thải	Rắn	502	18 01 01

Đợt thu gom thứ 2 vào ngày 24/09/2019, bao gồm:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (Kg)	Mã CTNH
1	Giẻ lau dính mực in, dung môi	Rắn	125	18 02 01
2	Dầu, nhớt thải	Lỏng	0	17 02 03
3	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	10	16 01 06
4	Bao bì mềm thải	Rắn	768	18 01 01

€A.3. – Tổng chi phí cho các hoạt động xử lý chất thải, bảo vệ môi trường

Do công tác xử lý chất thải và bảo vệ môi trường được chú trọng nên khoản chi phí Công ty bỏ ra cho các hoạt động này hàng năm khá lớn. Năm 2019, khoản này bao gồm:

- Chi phí cho các hoạt động xử lý chất thải là 22.520.000 đồng;
- Chi phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường là 18.527.000 đồng.

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG (E)

Chỉ tiêu E6 – Tuân thủ quy định

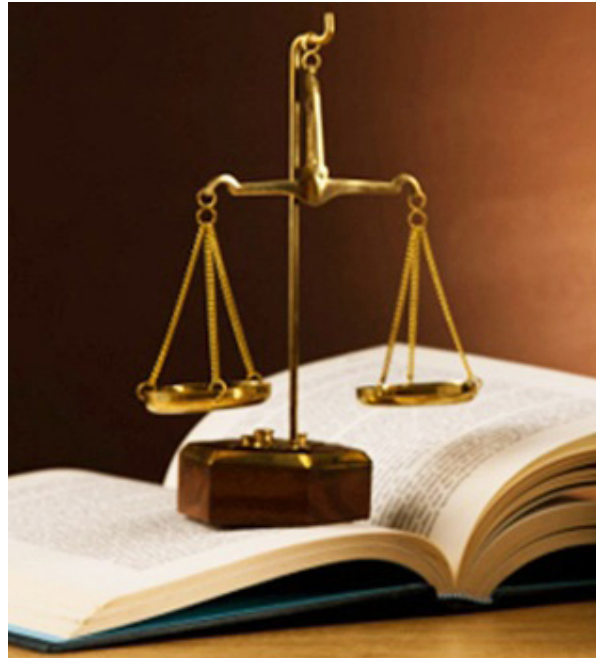
E6.1 – Việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

Định hướng phát triển của Công ty là trở thành Công ty sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường nên việc bảo vệ môi trường và tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường luôn được quan tâm và theo dõi sát sau, cụ thể trong năm Công ty luôn áp dụng và tuân thủ các quy định sau trong công tác quản trị và sản xuất:

- Luật bảo vệ môi trường 2014 số 55/2014/QH13 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015);
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (có hiệu lực từ ngày 01/04/2015);
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (có hiệu lực từ ngày 01/04/2015).

Ngoài ra, Công ty thực hiện một số các biện pháp bảo vệ môi trường theo Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 2497/GCN-SKHCNMT cấp ngày 31/12/2001. Cụ thể như sau:

- Công ty được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải, ký hợp đồng xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải nguy hại số: QLCTNH 79. 005680.T (Công ty Văn Hóa Tân Bình) và QLCTNH 79.005292.T (Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Ấu Lạc);
- Thực hiện quan trắc môi trường lao động định kỳ các chỉ tiêu môi trường không khí sản xuất theo Công văn số 2864/BQL-PQLMT ngày 03/10/2016 về thực hiện báo cáo kết quả quan trắc môi trường theo thông tư số 43/2015/TT-BTNMT, báo cáo giám sát môi trường định kỳ 1 năm/1 lần.



Công ty định kỳ lập các báo cáo cần thiết để dễ dàng theo dõi và quản lý các công tác liên quan đến bảo vệ môi trường như: Báo cáo quản lý chất thải nguy hại năm 2019; Báo cáo giám sát môi trường năm 2019. Các báo cáo này sau đó sẽ được gửi đến Chi cục Bảo vệ Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng quản lý môi trường của HEPZA, Ban quản lý Khu công nghiệp Tân Bình...theo đúng yêu cầu và thời hạn qui định để các cơ quan nhà nước hữu quan có thể nắm bắt được tình hình thực hiện và tuân thủ quy định về môi trường của Công ty.

E6.2. – Các khoản tiền phạt

Trong năm 2019, ALTA không có trường hợp vi phạm Luật bảo vệ môi trường.

Chỉ tiêu €C – Tác động của môi trường và hệ sinh thái

€C.1 – Các tác động của biến đổi khí hậu

Toàn bộ các hoạt động sản xuất của Công ty đều được tập trung tại các nhà máy đặt tại Khu công nghiệp với mật độ xây dựng không quá 50%. Ngoài ra, Công ty cũng thiết kế, bố trí các nhà xưởng thông thoáng, trang bị vật liệu chống nóng và trồng cây xanh bao quanh để tạo môi trường làm việc tốt hơn cho sức khỏe người lao động. Đồng thời, vì được xây dựng cách xa khu dân cư nên hoạt động sản xuất của các nhà máy sẽ không có tác động tiêu cực đến đời sống và môi trường của người dân xung quanh.

€C.2. Môi trường sống được bảo tồn

Môi trường làm việc và lao động của Công ty được đảm bảo an toàn, các chất gây hại đều được xử lý đúng theo quy trình, không gây ảnh hưởng đến người lao động.

€C.3 – Giảm nhẹ tác động môi trường của các sản phẩm và dịch vụ

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty luôn bảo đảm giảm thiểu tối đa tác động môi trường của sản phẩm và dịch vụ như: không sử dụng nguyên vật liệu độc hại, quản lý nghiêm định mức tiêu hao nguyên liệu vật tư và năng lượng, giảm thiểu lượng nước sử dụng, giảm phát thải khí, giảm tiếng ồn và chất thải. Không dừng lại ở đó, ALTA còn chủ động nghiên cứu các loại sản phẩm mới thân thiện với môi trường và người sử dụng, dần thay thế những sản phẩm cũ có nguyên liệu khó phân hủy.

€C.4 – Tác động môi trường của việc vận chuyển sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu và người lao động

Trong quá trình hoạt động, nhu cầu vận chuyển sản phẩm, hàng hóa của Công ty là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, Công ty hạn chế tác động của hoạt động này tới môi trường bằng cách:

- Thiết kế lộ trình, lịch trình vận chuyển, logistic phù hợp và hiệu quả;
- Lựa chọn những đối tác vận chuyển uy tín, có phương tiện đạt các tiêu chuẩn đăng kiểm định kỳ (trong các hạng mục đăng kiểm có kiểm tra chất lượng của hệ thống ống khói, cũng như chất lượng, thành phần khói xe).

Tổng chi phí chi trả cho hoạt động vận chuyển năm 2019 là 2.515.250.000 đồng tăng/giảm 40% so với năm trước (1.796.389.399 đồng).

Chỉ tiêu €D – Sử dụng và quản lý tài nguyên

€D.1 – Việc sử dụng tài nguyên và năng lượng

Trong quá trình hoạt động sản xuất, nhu cầu tiêu thụ năng lượng của Công ty là rất lớn. Nhận thức được điều đó, công tác quản lý tiêu thụ năng lượng được Công ty siết chặt, đồng thời mọi CBCNV luôn được nhắc nhở về việc sử dụng tiết kiệm năng lượng nhằm hạn chế những lãng phí không cần thiết. Ngoài ra, các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả cũng được ALTA nghiên cứu ứng dụng để có thể tối thiểu hóa năng lượng cần sử dụng trong khi hoạt động sản xuất vẫn không bị ảnh hưởng.

Số liệu về tiêu thụ năng lượng trực tiếp và gián tiếp trong năm như sau:

- Nhà máy ALTA: 2.939.140 kwh;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc : 177,69 kwh

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG (E)

Chỉ tiêu ED – Sử dụng và quản lý tài nguyên



ED.1 – Việc sử dụng tài nguyên và năng lượng

Bên cạnh thắt chặt quản lý tiêu thụ năng lượng, công tác quản lý tiêu thụ nước cũng được Công ty chú trọng theo dõi. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng trong năm như sau:

- Nhà máy ALTA: 2.402 m³ do Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ Tân Bình Tanimex cung cấp (hàng tháng đều được lấy nước đi kiểm định tại đầu nguồn trước khi cấp vào cho các doanh nghiệp sử dụng).

Các hoạt động quản lý tài nguyên và năng lượng:

Năng lượng sử dụng chủ yếu trong sinh hoạt và sản xuất kinh doanh là điện năng. Để tránh hao phí điện năng, hạn chế tác động xấu đến nguồn tài nguyên thiên nhiên, ALTA khuyến khích nhân viên kiến nghị và thực hiện các sáng kiến về tiết kiệm điện năng như:

- Thiết bị điện như đèn chiếu sáng, điều hòa không khí, quạt... được thiết kế để tiết kiệm năng lượng được sử dụng trong văn phòng và nhà máy;

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc: 648 m³ do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn phụ trách.

Bằng cách ghi nhận lại những thông tin này, ALTA có thể theo dõi sát sao tình hình tiêu thụ nước của toàn Công ty, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu và ứng dụng những phương án, công nghệ sản xuất với hiệu quả tiết kiệm nước tốt hơn trong tương lai.

- Các cảm biến và tính giờ được sử dụng để tắt thiết bị điện không cần thiết trong khu vực liên tục sử dụng như phòng họp, khu vực lưu trữ và phòng làm việc;
- Khuyến khích nhân viên thực hiện tiết kiệm năng lượng, có bảng thông báo để nhắc nhở tắt đèn và máy điều hòa không khí;
- Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị điện nhằm hạn chế hao hụt điện năng không cần thiết.

ED.2 – Các hoạt động tái chế

ALTA luôn chủ trương trong công tác sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu trong sản xuất, đồng thời thực hiện công tác tái chế những nguyên vật liệu phế phẩm sau quá trình sử dụng nhằm hạn chế lãng phí và góp phần bảo vệ môi trường. Số liệu về công tác quản lý nguyên vật liệu cụ thể như sau:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 3.628.404 kg.

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

- Tái chế: 632.895 kg
- Tỷ lệ % nguyên vật liệu tái chế: 17,5%.

Trong đó, bao bì giấy được sử dụng từ nguồn phế phẩm in, bao bì nhựa cho ấn phẩm được sử dụng từ nguồn phế phẩm nhựa, hạt nhựa tái sinh được tái chế từ túi nylon.

Đặc biệt, Công ty đã có chương trình Thu gom và tái chế túi nylon cũ đã qua sử dụng, kêu gọi mọi người mang túi nylon cũ để đổi các loại túi thân thiện môi trường, túi phân hủy sinh học, túi vải không dệt,... nhằm tạo cho người tiêu dùng thói quen giảm sử dụng các loại túi nylon thông thường, chuyển sang dùng túi tự hủy để bảo vệ môi trường sống. Quá trình thu gom được tổ chức như sau:

- Tại nơi sản xuất: Thu hồi phế liệu từ quá trình thổi, quá trình cắt... bị lỗi về tổ tái sinh.
- Đối với người tiêu dùng: Tiến hành đổi số lượng không hạn chế túi nylon đã được làm sạch để lấy túi ni lông mới và chuyển túi nylon của người tiêu dùng về tổ tái sinh.
- Đối với khách hàng mua sản phẩm túi nylon phân hủy sinh học ALTA: khi túi tới thời gian chuẩn bị phân hủy mà khách hàng chưa sử dụng hết, Công ty sẽ thu hồi lại từ khách hàng.

Tại tổ tái sinh, các túi nylon này sẽ được tái chế thành hạt nhựa tái sinh, sau đó tiếp tục đưa vào quá trình sản xuất để làm ra sản phẩm mới.



CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ XÃ HỘI (S)

Chỉ tiêu SA – Sản phẩm, dịch vụ đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người tiêu dùng

SA.1 – Sản phẩm và dịch vụ

- Công tác sản xuất sản phẩm và cung cấp dịch vụ luôn được thực hiện theo đúng quy trình ISO mà Ban lãnh đạo Công ty đã ban hành nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm cho người tiêu dùng và an toàn cho người lao động;
- Sản phẩm bao bì nhựa của công ty đạt tiêu chuẩn BRC - BRC là tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm do Hiệp hội bán lẻ Anh quốc (British Retailer Consortium-BRC) thiết lập vào năm 1998, thích hợp cho việc kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm. Do đó trong năm 2019 công ty không có sản phẩm bị trả về vì lý do ảnh hưởng đến sức khỏe và sự an toàn của khách hàng.

Đặc biệt, năm vừa qua, một số sản phẩm mới của ALTA đã được một số tổ chức công nhận về tính chất thân thiện với môi trường và người dùng, bước đầu tạo tiền đề để phát triển sâu hơn nữa. Các sản phẩm này gồm:

- Sản phẩm bao bì nhựa phân hủy sinh học và bao bì nhựa Alta đã được Bộ Tài Nguyên & Môi Trường cấp giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện môi trường.
- Sản phẩm bao bì nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm của Công ty Nhựa Ấu Lạc đã được Sở Y tế TP.HCM xác nhận việc công bố hợp quy.
- Sản phẩm bao bì in ấn đặc chủng ngành dược của Công ty In Ấu Lạc xây dựng đạt chuẩn phù hợp GMP.





Chỉ tiêu SB – Nguyên tắc sử dụng lao động

SB.1 – Tuyển dụng lao động

Phương pháp tiếp cận để tuyển dụng lao động:

- Tuyển dụng từ nguồn lao động dự trữ - thông báo tuyển lao động tại chỗ cho công việc khác;
- Thông báo tuyển nhân sự tại khu vực, địa phương;
- Đưa ra các khoản thưởng khuyến khích nhân viên trong Công ty giới thiệu nhân viên sản xuất;
- Liên hệ với các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học trên địa bàn nhận sinh viên thực tập và tuyển dụng sinh viên mới ra trường nhằm trẻ hóa đội ngũ lao động của Công ty;
- Chủ động tuyển dụng thông qua mạng online và các trang web tuyển dụng: timviecnhanh.com, chotot.com, muaban.net...

Các tiêu chí tuyển dụng: tay nghề, đạo đức, tư cách, trình độ, sự trung thực, lòng nhiệt thành, sự phù hợp với công việc;

Một số đối tượng tuyển dụng ưu tiên:

Công ty ưu tiên tuyển nhân lực tại địa bàn hoạt động bằng các chính sách:

- Thông báo tuyển dụng được gửi đến các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học trên địa bàn để tuyển dụng sinh viên mới ra trường;
 - Đưa ra các khoản thưởng khuyến khích nhân viên trong Công ty khi giới thiệu được các ứng viên tiềm năng, đủ điều kiện tuyển dụng;
 - Dán thông báo tuyển dụng tại cổng Công ty.
- Tỷ lệ tuyển dụng tại địa phương năm 2019 là 90%.

Một số tiêu chí tuyển dụng ưu tiên khác: Dân tộc thiểu số, trẻ tuổi, kinh nghiệm chuyên môn, người được nhân viên hoặc cổ đông giới thiệu

Năm 2019, số lao động của Công ty cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu	Nhóm tuổi		Giới tính		Khu vực	
	Dưới 30	Trên 30	Nam	Nữ	TP. HCM	Khác
Tuyển mới	54	14	51	17	40	28
Cấp quản lý (từ Tổ trưởng trở lên)	3	44	28	19	26	21
Tổng cộng	57	58	79	36	66	49

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ XÃ HỘI (S)

Chỉ tiêu SB – Nguyên tắc sử dụng lao động

SB.2 – Phòng chống lao động trẻ em và lao động cưỡng bức



SB.3 – Sức khỏe và an toàn lao động

Công ty ban hành đầy đủ các qui định về An toàn lao động - Vệ sinh lao động - Nội quy lao động cho Người lao động gồm:

- Thiết lập các chính sách và hướng dẫn để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người lao động tại nơi làm việc;
- Tổ chức huấn luyện đào tạo định kỳ về An toàn lao động - Vệ sinh lao động - Nội quy lao động cho Người lao động;
- Cung cấp trang bị đầy đủ về Hệ thống PCCC và các dụng cụ Bảo Hộ Lao Động phù hợp theo yêu cầu từng loại công việc (như quần áo, găng tay, giày dép, nón mũ....);
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị, đảm bảo các thiết bị này vận hành tốt, không phát sinh sự cố nào cho người lao động;

- Có đầy đủ các văn bản hướng dẫn về An toàn lao động - Vệ sinh lao động - Nội quy lao động cho người lao động làm việc tại các máy móc, thiết bị ở khu vực sản xuất hay tại các khu vực có khả năng xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ;
- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho Người lao động ít nhất 01 lần trong năm.
- Khắc phục ngay các nguy cơ không an toàn trong sản xuất - kinh doanh khi đã được báo cáo những trục trặc về máy móc thiết bị ở nơi làm việc có thể gây ra tai nạn lao động hay bệnh nghề nghiệp cho Người lao động;
- Bảo đảm tuân thủ các qui định ưu tiên cho lao động nữ.

SB.4 – Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nhân lực, phát triển đội ngũ cán bộ nhân viên ngày một tốt hơn, phát huy các điểm mạnh của bản thân. Bên cạnh đó, các khóa huấn luyện ngắn hạn cũng thường xuyên được tổ chức, bao gồm:

- Nội quy Lao động & Qui định An toàn vệ sinh lao động: thỏa ước lao động tập thể, quy chế lương thưởng; mục tiêu chất lượng và cơ sở chất lượng công ty; các hướng dẫn công việc của các bộ phận được tổ chức đào tạo thường xuyên khi có các nhân viên mới vào Công ty;
- Luật BHXH, luật lao động;
- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Đào tạo hướng dẫn kiểm tra túi xốp cho tổ KCS;
- Đào tạo hướng dẫn kiểm hàng, máy móc thiết bị;
- Đào tạo chuyên môn cho bộ phận lập trình, kỹ năng mềm cho nhân viên văn phòng và kỹ năng vẽ Auto-Card cho bộ phận Kỹ thuật;

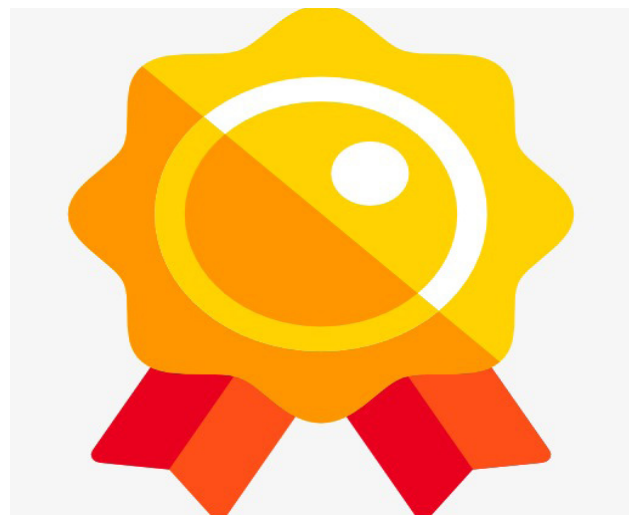
- Tập huấn sử dụng các phương tiện phòng cháy chữa cháy và diễn tập phương án phòng cháy chữa cháy: được tổ chức định kỳ 1 năm/lần;
- An toàn vệ sinh lao động – Bảo hộ lao động: được tổ chức định kỳ 1 năm/lần;
- Đào tạo ISO cơ bản; hướng dẫn các quy trình của công ty; đào tạo SSOP được tổ chức đào tạo thường xuyên cho các nhân viên tại Công ty và các nhân viên mới vào Công ty.

ALTA cam kết toàn bộ chi phí của các khóa đào tạo trên đều do Công ty chi trả. Sau các khóa học, tỷ lệ người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển chuyên môn là 100%.

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ XÃ HỘI (S)

Chỉ tiêu SB – Nguyên tắc sử dụng lao động

SB.5 – Lương thưởng



Tiền lương:

Trong năm qua, Công ty luôn đảm bảo việc trả lương cho người lao động theo đúng quy định của Luật Lao động, đảm bảo lợi ích, duy trì nguồn thu nhập cho toàn thể nhân viên. Ngoài ra, mức lương của CBCNV còn được đánh giá thông qua KPI, xây dựng trên nhiều tiêu chí như: chức vụ, phòng ban, hiệu suất và kết quả làm việc nhằm đảm bảo sự công bằng và kích thích tinh thần cầu tiến cho mọi nhân viên. Để phát huy được tối đa lợi ích của chính sách này, người lao động được bộ phận nhân sự cho biết rõ các tiêu chí mà mình đã đạt trong tháng, cũng như các khoản trong lương thực lãnh và lý do bị khấu trừ lương (nếu có). Nhờ đó, người lao động có thể chủ động hơn trong việc điều chỉnh hiệu suất công việc và tự hoàn thiện mình.

Ban lãnh đạo và các bộ phận nhân sự, tài chính kế toán đã cùng phối hợp để đảm bảo thanh toán lương cho CBCNV đúng thời hạn. Lương bình quân của Công ty năm 2019 đạt 8.650.000 đ tăng hơn 4% so với năm trước.

Khen thưởng:

- Công ty thực hiện chế độ xét khen thưởng thi đua đối với Người lao động theo Quy chế thi đua và khen thưởng của Công ty đã qui định và ban hành hoặc xét thưởng thành tích dựa trên kết quả hoàn thành chỉ số KPI.
- Ngoài ra, người lao động có thể được khen và lĩnh thưởng đặc biệt hay đột xuất đối với trường hợp có thành tích xuất sắc và có sáng kiến, sáng tạo khoa học, tiết kiệm trong công tác hoặc trong lao động sản xuất có hiệu quả cao, làm lợi cho Công ty.
- Vào các dịp lễ tết như: Tết dương lịch (01/01), lễ 30/4 và 01/05, lễ Quốc khánh 02/09, Công ty cũng có các khoản thưởng bằng tiền mặt, quà, chuyến du lịch... cho người lao động nhằm khuyến khích tinh thần làm việc và thắt chặt sự gắn bó giữa nhân viên và Công ty.

Mức lương trung bình qua các năm:

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2015	6.323.392 đồng/người/tháng
2	2016	7.082.200 đồng/người/tháng
3	2017	7.940.000 đồng/người/tháng
4	2018	8.314.000 đồng/người/tháng
5	2019	8.650.000 đồng/người/tháng

SB.6 – Phúc lợi dành cho người lao động

Quỹ phúc lợi: Quỹ phúc lợi là một phần thu nhập được Đại Hội đồng Cổ đông Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lại cho BGD Công ty sử dụng nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân viên lao động Công ty.

Quỹ phúc lợi bao gồm: Quỹ Công đoàn dùng để chi hỗ trợ thực hiện các hoạt động Văn hóa Thể thao của các Đoàn thể và các hoạt động phúc lợi tập thể cho Người lao động như:

- Tổ chức chúc mừng sinh nhật tập thể cho NLĐ sinh trong cùng tháng và tặng quà sinh nhật cho NLĐ làm việc 1 năm trở lên;
- Tổ chức tham quan nghỉ mát cho Người lao động theo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng Đơn vị/Bộ phận và tùy thuộc khả năng quỹ phúc lợi trong năm;
- Hỗ trợ thực hiện các hoạt động phong trào Văn hóa Thể Thao Cộng đồng theo kế hoạch cụ thể;
- Hỗ trợ cho các trường hợp hiếu, hỷ, ma chay, ốm đau;
- Tặng quà hoặc tiền vào các ngày Lễ: Tết Nguyên Đán, Quốc tế Phụ nữ 8/3 (quà cho Phụ nữ), Tết Trung thu Quốc tế Thiếu nhi 1/6 (quà cho con người lao động từ 15 tuổi trở xuống), Ngày 22/12 thành lập Quân đội nhân dân (quà cho Bộ đội xuất ngũ);
- Trích Quỹ phúc lợi để chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của Người lao động trong đơn vị.



CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ XÃ HỘI (S)

Chỉ tiêu SC – Kinh tế

SC.1 – Giá trị kinh tế được tạo ra và phân phối

Giá trị kinh tế được tạo ra:

Doanh thu: 201.551.986.980 VNĐ

Giá trị kinh tế được phân phối:

- Chi phí hoạt động: 187.191.287.887 VNĐ
- Lương: 40.192.608.746 VNĐ
- Khen thưởng phúc lợi: 912.336.138 VNĐ
- Các khoản thanh toán cổ đông: 4.574.819.280 VNĐ
- Các khoản phải nộp nhà nước trong năm: 17.753.473.870 VNĐ

Giá trị kinh tế được tích lũy: 8.401.309.085 VNĐ

SC.2 – Hỗ trợ tài chính từ Chính phủ

Năm 2019, Công ty không có khoản hỗ trợ nào từ Chính phủ



Chỉ tiêu SD – Chuỗi cung ứng

SD.1 – Các nhà cung cấp địa phương

Công ty luôn ưu tiên sử dụng các nhà cung cấp tại TP.HCM – nơi Công ty đặt trụ sở chính, nhằm góp phần tăng trưởng kinh tế cho địa phương, giảm thiểu chi phí vận chuyển, tăng lợi ích cổ đông, giảm thời gian sản xuất và cung cấp sản phẩm cho đối tác.

- Tỷ lệ sản phẩm và dịch vụ đã mua tại địa phương trên tổng chi phí là: 100 %.
- Tỷ lệ các nhà cung cấp địa phương trên tổng số nhà cung cấp là 100%.

SD.2 – Chuỗi cung ứng

- Lựa chọn nhà cung cấp thân thiện với môi trường, xã hội và cộng đồng, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty;
- Ưu tiên các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào đòi hỏi ít vận chuyển, đóng gói và lưu trữ; giảm tác hại đối với môi trường do phương tiện vận chuyển và quá trình đóng gói gây ra;
- Các sản phẩm thường được mua với số lượng lớn nhằm giảm thiểu tối đa bao bì cần đóng gói, tiết kiệm công sức bảo quản, vận chuyển và chi phí xử lý;
- Hàng năm bộ phận mua hàng của công ty phải tham quan, xem xét các nhà cung ứng để bảo đảm không có lao động bất hợp pháp cũng như các vấn đề xã hội trong chuỗi cung ứng.

Chỉ tiêu SE – Tác động đến cộng đồng và xã hội

SE.1 – Các chương trình phát triển cộng đồng

Công ty luôn tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển cộng đồng trong thời gian qua như:

- Thăm hỏi, giúp đỡ một số hoàn cảnh khó khăn tại địa phương;
- Tham gia các chương trình giảm thiểu sử dụng túi nylông tại thành phố HCM;
- Tham gia các ngày hội tái chế của các quận huyện tổ chức;
- Ủng hộ cho các quỹ hỗ trợ người nghèo, hỗ trợ các vùng lũ lụt, mất mùa,

SE.2 – Các dự án, cơ sở hoạt động có tác động tiêu cực với xã hội và cộng đồng

Công ty không có các dự án hoặc cơ sở hoạt động nào có tác động tiêu cực với xã hội và cộng đồng.

Chỉ tiêu SF – Tuân thủ quy định

SF.1 – Tuân thủ các quy định về ảnh hưởng cộng đồng và xã hội

- Ý thức trách nhiệm của mình, công ty quan tâm hàng đầu đến việc tuân thủ các qui định về ảnh hưởng môi trường, cộng đồng và xã hội.
- Trong năm qua công ty không có trường hợp nào mà bên thứ ba khiếu nại và yêu cầu bồi thường.

SF.2 – Các khoản tiền phạt

- Năm qua Công ty không có khoản tiền phạt nào vì không tuân thủ pháp luật và các qui định về cộng đồng và xã hội.

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (G)

Chỉ tiêu GA – HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và BKS

GA.1 – Hội đồng quản trị

- Công ty đã ban hành các văn bản qui định để thể chế hóa hoạt động vận doanh của công ty.
 - + Điều lệ công ty
 - + Quy chế quản trị công ty
 - + Quy chế tổ chức
 - + Quy chế HĐQT, BKS. Trong quy chế HĐQT có qui định về cơ cấu tổ chức, các yêu cầu tối thiểu, chính sách bổ nhiệm/bãi nhiệm, thù lao của HĐQT.
- Quy chế tài chính- Chuyên môn và kỹ năng của các thành viên HĐQT phù hợp với trách nhiệm được phân công.
- HĐQT đã họp tổng số 8 cuộc họp trong năm.
- Tỷ lệ thành viên độc lập là 20%.
- Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc điều hành, đồng thời phối hợp nhịp nhàng với Ban Tổng giám đốc cũng như Ban kiểm soát trong quản trị và điều hành Công ty.
- Tổng giá trị các khoản thù lao của HĐQT là 300.000.000 triệu đồng chiếm tỷ lệ 3,57% trên lợi nhuận năm 2019 công ty.

GA.2 – Ban kiểm soát

- Trong quy chế BKS có qui định về cơ cấu tổ chức, các yêu cầu tối thiểu, chính sách bổ nhiệm/bãi nhiệm, thù lao của BKS.
- BKS áp dụng các tiêu chí sau để đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban điều hành:
 - + Tình hình thực hiện kế hoạch;
 - + Kết quả hoạt động kinh doanh;
 - + Các chỉ tiêu khác như: lao động, tiền lương, các khoản bảo hiểm, thu nhập, quản trị điều hành, quản trị tài chính...
- BKS đã họp tổng số 04 cuộc họp trong năm.
- BKS đã tham gia đầy đủ những cuộc họp định kỳ của HĐQT và Ban Tổng giám đốc để nắm bắt đầy đủ những hoạt động và quyết định của Công ty.
- BKS thường xuyên rà soát các công tác có liên quan đến Quy định, Điều lệ Công ty và Pháp luật của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty nói chung và các thành viên cấp quản lý nói riêng tuân thủ đúng Quy định, Điều lệ Công ty và Pháp luật.
- BKS có một thành viên là Luật sư và một Kế toán.



GA.3 – Ban điều hành

- Trong qui chế tổ chức có qui định về cơ cấu tổ chức, các yêu cầu tối thiểu, chính sách bổ nhiệm/bãi nhiệm, chính sách lương thưởng của BDH.
- Các thành viên trong Ban điều hành đều là những người có chuyên môn về quản trị và về ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của Công ty, vì vậy có thể hiểu rõ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhằm đưa ra được những chiến lược phù hợp trong điều hành.
- Ban điều hành thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, cố gắng mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất cho Công ty.
- Ban Giám đốc điều hành định kỳ vẫn báo cáo đầy đủ về các công tác điều hành cũng như kết quả Hoạt động kinh doanh cho HĐQT và BKS.
- Tổng giá trị các khoản lương, thưởng của BDH năm 2019 là 764.914.490 đồng.



Chỉ tiêu GB – Quản trị rủi ro

- Công ty luôn nhận diện, xác định, phân tích và đánh giá các rủi ro tiềm ẩn trong quá trình hoạt động như: rủi ro kinh tế, rủi ro về tỷ giá, lãi suất vay ngân hàng, rủi ro về sự thay đổi của pháp luật, rủi ro bất khả kháng,... Từ đó, đưa ra các giải pháp kịp thời để duy trì ổn định hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Hàng năm HĐQT công ty trong báo cáo hoạt động quản trị luôn dự báo về những rủi ro cũng như các trường hợp hi hữu có thể xảy ra và đưa ra các giải pháp phòng chống tích cực.
- Hoạt động khắc phục và phòng ngừa luôn được thực hiện và kiểm soát tốt suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Các thành viên HĐQT và BDH đã tham gia các khóa học nâng cao và bồi dưỡng nghiệp vụ quản trị cũng như cập nhật các văn bản luật ảnh hưởng đến mô hình và cơ cấu tổ chức của Công ty để điều chỉnh cho phù hợp.

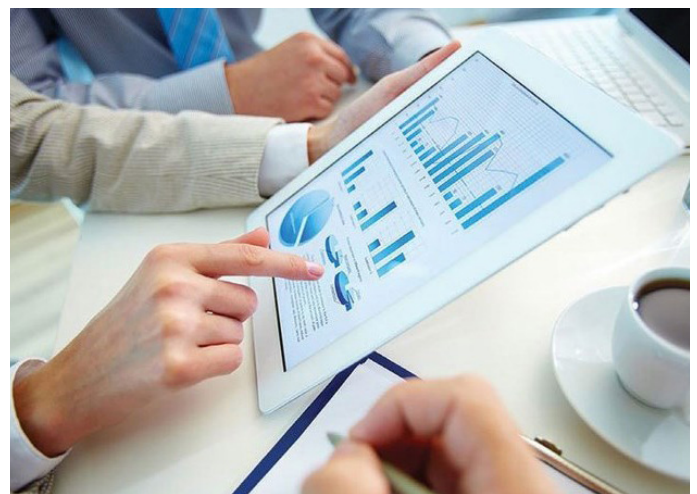
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (G)

Chỉ tiêu GC – CBTT và minh bạch

GC.1 – CBTT và minh bạch

Hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và được niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, ALTA luôn tuân thủ đầy đủ các Quy định của Nhà nước, UBCKNN và Quy chế, điều lệ Công ty liên quan đến hoạt động quản trị Công ty, đảm bảo các hoạt động đều được minh bạch hóa:

- Tổ chức ĐHĐCĐ đảm bảo đúng quy trình mà Pháp luật quy định;
- Các công tác bầu cử HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đều được thực hiện minh bạch và công bằng, đảm bảo tuân thủ đúng Quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường đều được thông tin đầy đủ trên trang website Công ty (www.alta.com.vn);
- Công tác công bố thông tin được thực hiện nghiêm ngặt và đầy đủ, các tài liệu cần được công bố định kỳ như: Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên, tài liệu họp ĐHĐCĐ, Báo cáo quản trị, Báo cáo, nghị quyết của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành, BKS và các tài liệu liên quan khác đều được Công ty đăng tải công khai, đầy đủ và đúng thời gian quy định của Pháp luật;
- Năm 2019, Công ty không có vi phạm về CBTT.



Chỉ tiêu GD – Cổ đông

Công ty luôn bảo vệ quyền của tất cả các cổ đông, bảo đảm đối xử bình đẳng với các cổ đông lớn & nhỏ, cá nhân & pháp nhân, trong nước & nước ngoài...thông qua các chỉ tiêu đánh giá như sau:

- Cổ tức hàng năm vẫn được chi trả đầy đủ.
- Số ngày từ lúc chốt sổ cổ đông được nhận cổ tức đến ngày nhận cổ tức là 15 ngày.
- Bản báo cáo tài chính năm luôn được công bố bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt.
- Số lượng cổ đông lớn và tỷ lệ nắm giữ đã được trình bày chi tiết ở phần trên của báo cáo thường niên.
- Các quyền khác như quyền tham dự họp, quyền biểu quyết, bầu cử cũng được Công ty thực hiện đầy đủ.

Chỉ tiêu GE – Chất lượng sản phẩm dịch vụ

GE.1 – Chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Quyền lợi của người tiêu dùng về việc được sử dụng những sản phẩm chất lượng, đảm bảo an toàn lao động, luôn được ALTA quan tâm và thực hiện nghiêm ngặt thông qua:

- Xây dựng – duy trì và liên tục cải tiến hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Cam kết tạo ra sản phẩm chất lượng bảo đảm quyền lợi, sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.

- Kiểm soát nghiêm túc các quy trình sản xuất và dịch vụ để gia tăng uy tín thương hiệu và bảo đảm hiệu quả vận doanh.

Từ ngày thành lập đến nay công ty luôn quan tâm đến việc đầu tư các sản phẩm mang lại những tác động tích cực cho khách hàng, môi trường và cộng đồng như: khăn giấy ướt thơm Luxta sử dụng một lần, bao bì tự phân hủy, bao bì Alta thân thiện môi trường, túi xách non woven, túi rác thơm khử trùng Oxo, tấm trải đa năng Neat bảo vệ môi trường,...

Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng sản phẩm và dịch vụ:

- 100% tỷ lệ danh mục sản phẩm và dịch vụ được đánh giá về chất lượng và độ an toàn trước khi đến tay khách hàng.
- Các sản phẩm như khăn giấy, bao bì... đều được test chất lượng về hàm lượng kim loại.
- Các loại bao bì tiếp xúc với thực phẩm đều có giấy chứng nhận an toàn khi tiếp xúc với thực phẩm của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Tp. HCM.
- Các dịch vụ giải trí của công ty luôn bảo đảm Phòng cháy chữa cháy, kiểm tra độ an toàn và khách tham gia đều có bảo hiểm rủi ro.

Trong năm công ty không có vụ việc nào vi phạm, bị khiếu nại hoặc bị phạt về tác động không tốt của sản phẩm đến khách hàng, môi trường.

GE.2 – Thông tin tiếp thị của sản phẩm và dịch vụ

- Trang web của Công ty cũng đăng tải đầy đủ các nội dung giới thiệu về sản phẩm cũng như tính an toàn và thân thiện với môi trường, với người dùng của sản phẩm.
- Các thông tin về công năng, chất lượng, hướng dẫn và hạn sử dụng đều được công bố trên bao bì của sản phẩm.
- Trên bao bì của sản phẩm còn có logo được Cục Môi trường cấp phép cũng như dấu hiệu tái chế sản phẩm.





CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (G)

Chỉ tiêu GF – Tuân thủ các quy định

GF.1 – Tuân thủ các quy định về phòng chống hối lộ, tham nhũng và rửa tiền

Thực hiện mục tiêu “Trung thực – Chân thành”, Công ty yêu cầu tất cả các thành viên đều phải ký cam kết về việc tuân thủ quy tắc ứng xử trong kinh doanh, giao dịch như sau:

- Thực hiện thanh toán đúng và đủ đối với các hợp đồng giao dịch, không nhận ngoài các khoản hoa hồng, chiết khấu của Khách hàng, Đối tác và Nhà cung cấp... dưới bất kỳ hình thức nào.
- Tuyệt đối không lạm dụng chức vụ, quyền hạn; có hành vi tiêu cực, thiên vị, móc nối với Khách hàng, Nhà cung cấp, các Đối tác kinh doanh... nhằm mang lợi ích cho cá nhân.
- Không được sử dụng bất kỳ quyền đại diện nào mà bản thân có được trong thời gian làm việc tại Công ty vào các mục đích đem lại lợi ích cho cá nhân hoặc cho người/ tổ chức khác dẫn đến thiệt hại cho Công ty, Đối tác, Khách hàng của Công ty.
- Mọi thông tin, đặc biệt là thông tin tài chính của Công ty đều phải được minh bạch và rõ ràng



GF.2 – Các vụ tham nhũng và các biện pháp triển khai

Công ty không chấp nhận mọi trường hợp tham nhũng, hối lộ và rửa tiền. Mọi cá nhân và tập thể vi phạm đều bị kỷ luật và xử lý. Tính đến nay, Công ty vẫn chưa phát hiện được vụ việc nào.

GF.3 – Cạnh tranh lành mạnh

Công ty cạnh tranh chủ yếu dựa vào các tiêu chí về chất lượng, tính độc đáo của sản phẩm, về chất lượng dịch vụ cung cấp và về uy tín, thương hiệu của Công ty trên thị trường. Công ty không thực hiện các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, không phá giá sản phẩm để tranh giành khách hàng, không sử dụng nguyên liệu kém chất lượng để sản xuất thành phẩm.

Trong năm qua, Công ty không nhận được bất cứ phản ánh nào của khách hàng, nhà cung cấp hay đối thủ về dấu hiệu cạnh tranh không lành mạnh.

GF. 4 – Các khoản tiền phạt

Trong năm công ty không có vi phạm cũng như các khoản phạt nào liên quan đến việc không tuân thủ luật pháp và qui định về quản trị.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-40

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	ông

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phụng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2020



Số: 260320.021 /BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 10 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		129.238.578.529	138.728.019.710
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	17.337.673.823	32.394.596.963
111	1. Tiền		12.837.673.823	17.144.596.963
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.500.000.000	15.250.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	34.046.902.137	30.991.997.184
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		34.046.902.137	30.991.997.184
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		44.813.316.890	32.212.597.682
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	34.501.698.075	27.718.624.914
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.239.839.820	3.030.565.809
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.500.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.642.690.538	1.534.318.502
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(70.911.543)	(70.911.543)
140	IV. Hàng tồn kho	10	32.030.530.358	41.676.101.295
141	1. Hàng tồn kho		32.030.530.358	41.676.101.295
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.010.155.321	1.452.726.586
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1.010.155.321	1.220.956.614
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	231.515.020
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	-	254.952
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		115.856.074.238	112.391.216.653
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.867.000.000	2.566.999.746
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	4.800.000.000	2.500.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	67.000.000	66.999.746
220	II. Tài sản cố định		49.289.299.560	42.083.006.844
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	45.172.179.602	37.796.476.466
222	- Nguyên giá		168.466.760.941	155.666.597.020
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(123.294.581.339)	(117.870.120.554)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4.117.119.958	4.286.530.378
228	- Nguyên giá		6.943.530.397	7.068.980.397
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.826.410.439)	(2.782.450.019)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	28.297.951.815	29.255.644.380
231	- Nguyên giá		52.456.972.189	52.456.972.189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.159.020.374)	(23.201.327.809)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	5.154.107.675	5.800.061.623
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.154.107.675	5.800.061.623
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	18.893.803.824	17.826.100.387
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		18.734.104.624	17.703.771.187
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		159.699.200	122.329.200
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.353.911.364	14.859.403.673
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	9.353.911.364	14.859.403.673
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		245.094.652.767	251.119.236.363

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh




Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		29.737.382.118	39.573.907.599
310	I. Nợ ngắn hạn		29.737.382.118	39.573.907.599
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	12.538.110.000	16.517.501.324
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	898.436.224	813.240.600
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	2.821.125.627	1.437.348.447
314	4. Phải trả người lao động		4.699.548.000	2.716.757.560
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		409.904.727	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	4.688.701.337	7.534.003.555
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	2.769.220.065	9.642.719.975
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		912.336.138	912.336.138
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		215.357.270.649	211.545.328.764
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	215.357.270.649	211.545.328.764
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61.725.230.000	61.725.230.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		61.725.230.000	61.725.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137.662.054.443	137.662.054.443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2.243.857.861	2.243.857.861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.251.764.905	19.439.823.020
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		14.850.455.820	11.944.830.267
421b	LNST chưa phân phối năm nay		8.401.309.085	7.494.992.753
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		245.094.652.767	251.119.236.363

		
Nguyễn Thị Xuân Người lập	Nguyễn Thị Xuân Kế toán trưởng	Hoàng Minh Anh Tú Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	202.071.353.656	156.829.819.565
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	519.366.676	323.867.198
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		201.551.986.980	156.505.952.367
11	4. Giá vốn hàng bán	25	169.243.771.372	135.772.649.041
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.308.215.608	20.733.303.326
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	2.344.238.934	3.744.623.556
22	7. Chi phí tài chính	27	609.090.725	764.926.900
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		396.393.215	139.089.625
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.030.333.437	1.823.779.655
25	9. Chi phí bán hàng	28	8.281.340.820	5.412.912.219
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	16.504.831.063	11.294.280.238
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.287.525.371	8.829.587.180
31	12. Thu nhập khác		166.624.729	17.871.847
32	13. Chi phí khác		174.634.576	353.051.110
40	14. Lợi nhuận khác		(8.009.847)	(335.179.263)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.279.515.524	8.494.407.917
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	1.878.206.439	999.415.164
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.401.309.085	7.494.992.753
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		8.401.309.085	7.494.992.753
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.464	1.306



Nguyễn Thị Xuân
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.279.515.524	8.494.407.917
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.741.866.362	11.036.237.213
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		31.446.194	(4.657.988)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.338.438.427)	(5.239.305.193)
06	- Chi phí lãi vay		396.393.215	139.089.625
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.110.782.868	14.425.771.574
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(11.153.518.045)	(4.979.732.457)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		9.645.570.937	(13.363.797.827)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.014.049.181)	13.495.341.730
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.716.293.602	(2.915.199.171)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(396.393.215)	(158.295.305)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.872.274.644)	(491.467.971)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(185.445.464)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20.036.412.322	5.827.175.109
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(19.439.013.160)	(11.551.132.815)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		91.522.363	372.736.274
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.646.902.137)	(51.541.747.184)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		15.791.997.184	55.160.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(37.370.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.595.651.777	3.042.936.207
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(23.644.113.973)	(4.517.207.518)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		47.866.999.451	34.345.157.118
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(54.740.759.426)	(28.270.192.884)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.574.819.280)	(4.562.745.920)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.448.579.255)	1.512.218.314

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(15.056.280.906)	2.822.185.905
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.394.596.963	29.578.486.222
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(642.234)	(6.075.164)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>17.337.673.823</u>	<u>32.394.596.963</u>



Nguyễn Thị Xuân
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm 2019***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.320.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 61.725.230.000 đồng; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ thông tin

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (đầu vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	348.172.957	305.131.840
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.489.500.866	16.839.465.123
Các khoản tương đương tiền (*)	4.500.000.000	15.250.000.000
	17.337.673.823	32.394.596.963

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 4.500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	34.046.902.137	-	30.991.997.184	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	34.046.902.137	-	30.991.997.184	-
	34.046.902.137	-	30.991.997.184	-

Tại ngày 31/12/2019, các khoản đầu tư tài chính nắm giữ tới ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 15 tháng có giá trị 34.046.902.137 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,8%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Ấu Lạc với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 47%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối năm là 4.700.000.000 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối năm lần lượt là 17.703.771.187 đồng và 18.734.104.624 đồng.

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Ấu Lạc có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - DPP (11.052 cổ phiếu)	100.199.200	176.832.000	-	88.511.500
- Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa (5.450 cổ phiếu)	59.500.000	-	-	-
	159.699.200	176.832.000	-	88.511.500

Ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai được xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa của cổ phiếu DPP trên sàn UpCOM tại ngày 31/12/2019 và 28/12/2018, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính khác do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Việt An	567.191.900	-	549.758.000	-
- Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	4.068.336.938	-	3.134.981.063	-
- Doanh nghiệp tư nhân Khánh Mỹ	3.144.139.420	-	2.072.476.039	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa	2.508.374.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng	24.213.655.817	(26.000.000)	21.961.409.812	(26.000.000)
	34.501.698.075	(26.000.000)	27.718.624.914	(26.000.000)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	30.153.000	-	48.836.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Novahomes An Phú	4.209.375.264	-	1.913.352.396	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova	2.205.767.392	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	824.697.164	-	1.117.213.413	-
	7.239.839.820	-	3.030.565.809	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Trường Trung học Cơ sở Và Trung học Phổ thông Nhân Văn ⁽¹⁾	400.000.000	-	-	-
Các khoản cho vay cá nhân ⁽²⁾	1.100.000.000	-	-	-
	1.500.000.000	-	-	-
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc ⁽³⁾	4.800.000.000	-	2.500.000.000	-
	4.800.000.000	-	2.500.000.000	-
c) Phải thu về cho vay là các bên liên quan				
	4.800.000.000	-	2.500.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Trường THCS và THPT Nhân Văn với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tổng số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động thường xuyên;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 400.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(2) Các khoản cho vay cá nhân bao gồm các hợp đồng vay vốn có thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và lãi suất từ 6%/năm đến 8%/năm, số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.100.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(3) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tổng số tiền cho vay: 6.300.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 3 năm kể từ ngày nhận tiền;
- + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.800.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.128.000.000	-	752.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	660.568.555	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	278.571	-
Hải quan Hồ Chí Minh	372.631.976	-	-	-
Phải thu khác	142.058.562	(44.911.543)	121.471.376	(44.911.543)
	1.642.690.538	(44.911.543)	1.534.318.502	(44.911.543)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	67.000.000	-	66.999.746	-
	67.000.000	-	66.999.746	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
	1.128.000.000	-	752.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

9 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Định Phong	26.000.000	-	26.000.000	-
- Công ty Cổ phần Mỹ thuật Sen Việt	44.911.543	-	44.911.543	-
	70.911.543	-	70.911.543	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.186.157.949	-	21.734.490.903	-
Công cụ, dụng cụ	419.067.440	-	597.865.463	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.261.735.734	-	877.783.097	-
Thành phẩm	13.746.398.802	-	17.704.042.233	-
Hàng hoá	417.170.433	-	761.919.599	-
	32.030.530.358	-	41.676.101.295	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.906.443.971	5.117.385.523
- Mua sắm căn hộ GM2-20.03 ^(*)	2.360.928.026	1.747.271.639
- Mua sắm căn hộ GM3-04.12A	-	1.258.102.589
- Mua sắm căn hộ SR.E1A-04.10 ^(**)	2.545.515.945	2.112.011.295
Mua sắm tài sản cố định	247.663.704	-
- Mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất Công ty Nhựa Âu Lạc	247.663.704	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	682.676.100
- Chi phí sửa chữa nhà máy	-	682.676.100
	5.154.107.675	5.800.061.623

(*) Công ty đang đóng tiền theo tiến độ để mua căn hộ cao cấp của dự án Golden Mansion tại số 119 Phố Quang, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2019, công trình đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục bàn giao và đưa vào sử dụng.

(**) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua căn hộ tại dự án Sunrise Riverside Nhà Bè với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2019, công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện nội thất đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÓA TÂN BÌNH

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	31.307.663.258	109.024.067.952	11.915.969.499	3.215.974.966	202.921.345	155.666.597.020
- Mua trong năm	1.402.640.909	15.681.077.646	169.870.387	1.732.123.111	-	18.985.712.053
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.211.056.686	-	300.675.200	-	1.511.731.886
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.273.187.594)	-	-	-	(7.273.187.594)
- Phân loại lại tài sản do không đủ điều kiện	-	(424.092.424)	-	-	-	(424.092.424)
Số dư cuối năm	32.710.304.167	118.218.922.266	12.085.839.886	5.248.773.277	202.921.345	168.466.760.941
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	19.588.025.761	87.720.673.391	8.456.891.465	1.928.249.361	176.280.576	117.870.120.554
- Khấu hao trong năm	1.953.118.806	8.749.121.900	835.164.965	1.077.357.706	-	12.614.763.377
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.178.686.999)	-	-	-	(7.178.686.999)
- Phân loại lại tài sản do không đủ điều kiện	-	(11.615.593)	-	-	-	(11.615.593)
Số dư cuối năm	21.541.144.567	89.279.492.699	9.292.056.430	3.005.607.067	176.280.576	123.294.581.339
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	11.719.637.497	21.303.394.561	3.459.078.034	1.287.725.605	26.640.769	37.796.476.466
Tại ngày cuối năm	11.169.159.600	28.939.429.567	2.793.783.456	2.243.166.210	26.640.769	45.172.179.602

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.198.438.063 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.237.885.093	831.095.304	7.068.980.397
- Thanh lý, nhượng bán	-	(125.450.000)	(125.450.000)
Số dư cuối năm	6.237.885.093	705.645.304	6.943.530.397
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.979.688.046	802.761.973	2.782.450.019
- Khấu hao trong năm	149.410.416	20.000.004	169.410.420
- Thanh lý, nhượng bán	-	(125.450.000)	(125.450.000)
Số dư cuối năm	2.129.098.462	697.311.977	2.826.410.439
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4.258.197.047	28.333.331	4.286.530.378
Tại ngày cuối năm	4.108.786.631	8.333.327	4.117.119.958

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2019 là 24.159.020.374 đồng, trong đó khấu hao trong năm là 957.692.565 đồng.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	709.168.399	368.897.160
Chi phí bảo hiểm	63.851.556	28.763.997
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	237.135.366	823.295.457
	1.010.155.321	1.220.956.614
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	102.981.497	288.514.892
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	-	9.305.059
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	-	30.985.000
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình LED	9.200.624.030	14.331.094.668
Chi phí trả trước dài hạn khác	50.305.837	199.504.054
	9.353.911.364	14.859.403.673

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Xinhengjia Supply Chain (HK) Co., Ltd	-	-	1.023.142.243	1.023.142.243
- Công ty TNHH Thương mại Hưng Phát	-	-	1.381.800.000	1.381.800.000
- Shenzhen Infiled Electronics Co. Ltd	-	-	2.740.934.201	2.740.934.201
- Hanwa Singapore Pte	2.069.793.000	2.069.793.000	2.842.049.925	2.842.049.925
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Bền vững S.av	-	-	2.208.403.043	2.208.403.043
- Marubeni Asean Pte. Ltd	2.069.793.000	2.069.793.000	1.461.296.925	1.461.296.925
- Phải trả các đối tượng khác	8.398.524.000	8.398.524.000	4.859.874.987	4.859.874.987
	12.538.110.000	12.538.110.000	16.517.501.324	16.517.501.324

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Truyền thông và Sự kiện Hiền Anh	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông Thương mại T3D	138.600.000	138.600.000
Công ty TNHH Phạm Hà	122.100.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Giang Sơn	100.000.000	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	237.736.224	374.640.600
	898.436.224	813.240.600

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tân Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		407.775.220		11.959.682.351		10.673.797.314		-		1.693.660.257	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	254.952		-		540.689.831		540.434.879		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		962.054.549		1.878.206.439		1.872.274.644		-		967.986.344	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		67.518.678		702.584.932		610.624.584		-		159.479.026	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		163.145.604		163.145.604		-		-	
Thuế bảo vệ môi trường	-		-		2.336.460.000		2.336.460.000		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		137.071.724		137.071.724		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		35.632.989		35.632.989		-		-	
	254.952		1.437.348.447		17.753.473.870		16.369.441.738		-		2.821.125.627	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . PHẢI TRẢ NGÂN HÀNG KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	40.006.140	53.633.240
- Bảo hiểm y tế	-	36.627
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.623.982.312	1.821.880.872
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	70.563.240	56.015.320
- Quỹ phải trả người lao động	1.073.555.442	1.073.555.442
- Phải trả bà Trần Thị Huệ	700.000.000	1.700.000.000
- Phải trả ông Hoàng Minh Anh Tú	-	2.750.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	180.594.203	78.882.054
	4.688.701.337	7.534.003.555
	700.000.000	4.450.000.000

Phải trả khác là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẤN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

20 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽¹⁾	9.142.719.975	9.142.719.975	44.298.739.386	51.880.499.361	1.560.960.000	1.560.960.000
- Vay cá nhân	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu ⁽²⁾	-	-	3.568.260.065	2.360.000.000	1.208.260.065	1.208.260.065
	9.642.719.975	9.642.719.975	47.866.999.451	54.740.499.361	2.769.220.065	2.769.220.065

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 927/TBN-KND/19NH ngày 28/06/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 6.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 28/06/2020;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.560.600.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(2) Hợp đồng tín dụng số HCM.DN.913.110319 ngày 21/03/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10.800.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh phát hành L/C;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.208.260.065 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi của Công ty tại ACB.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	16.876.130.938	208.981.636.682
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	7.494.992.753	7.494.992.753
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(4.589.367.200)	(4.589.367.200)
Phạt truy thu thuế	-	-	-	-	-	(201.933.471)	(201.933.471)
Thù lao thành viên HĐQT không điều hành và chỉ thường Ban Điều hành	-	-	-	-	-	(140.000.000)	(140.000.000)
Số dư cuối năm trước	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	19.439.823.020	211.545.328.764
Số dư đầu năm nay	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	19.439.823.020	211.545.328.764
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	8.401.309.085	8.401.309.085
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(4.589.367.200)	(4.589.367.200)
Số dư cuối năm nay	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	23.251.764.905	215.357.270.649

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCD/2019 ngày 24/04/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Công ty mẹ	Các công ty con	Cộng
	VND	VND	VND
Phân phối lợi nhuận			Trong đó đã tạm phân phối trong năm 2018
Chi trả cổ tức	4.589.367.200	-	4.589.367.200

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	17,03%	10.512.440.000	17,03%	10.512.440.000
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	12,32%	7.602.110.000	12,32%	7.602.110.000
Ông Hoàng Văn Điều	9,38%	5.788.600.000	9,38%	5.788.600.000
Bà Lại Thị Hồng Điệp	5,77%	3.558.630.000	5,77%	3.558.630.000
Ông La Thế Nhân	4,79%	2.955.500.000	4,79%	2.955.500.000
Các cổ đông khác	43,65%	26.949.810.000	43,65%	26.949.810.000
Cổ phiếu quỹ	7,06%	4.358.140.000	7,06%	4.358.140.000
	100%	61.725.230.000	100%	61.725.230.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61.725.230.000	61.725.230.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>61.725.230.000</i>	<i>61.725.230.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>61.725.230.000</i>	<i>61.725.230.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>56.015.320</i>	<i>29.394.040</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>4.589.367.200</i>	<i>4.589.367.200</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>4.589.367.200</i>	<i>4.589.367.200</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(4.574.819.280)</i>	<i>(4.562.745.920)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(4.574.819.280)</i>	<i>(4.562.745.920)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>70.563.240</i>	<i>56.015.320</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.172.523	6.172.523
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.172.523</i>	<i>6.172.523</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	435.814	435.814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>435.814</i>	<i>435.814</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.736.709	5.736.709
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.736.709</i>	<i>5.736.709</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.243.857.861	2.243.857.861
	2.243.857.861	2.243.857.861

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty được Nhà nước giao một số lô đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	21.388,95	15.239,67
- Đồng đô la Singapore (SGD)	-	339,72
- Đồng đô la Hồng Kông (HKD)	-	46.444,09

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	142.302.832.992	107.019.895.503
Doanh thu cung cấp dịch vụ	59.768.520.664	49.809.924.062
	202.071.353.656	156.829.819.565
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	37.537.130	296.725.331

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	518.466.676	323.267.198
Giảm giá hàng bán	900.000	600.000
	519.366.676	323.867.198

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	128.447.380.875	96.554.362.184
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	40.796.390.497	39.218.286.857
	169.243.771.372	135.772.649.041

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.891.097.822	3.278.228.507
Cổ tức, lợi nhuận được chia	419.985.400	376.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	33.155.712	85.737.061
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	4.657.988
	2.344.238.934	3.744.623.556
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	551.068.000	618.587.000

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	396.393.215	139.089.625
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	212.258.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	181.251.316	413.579.211
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	31.446.194	-
	609.090.725	764.926.900

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.500	49.708.642
Chi phí nhân công	4.673.115.880	2.236.080.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.163.828	72.243.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.702.406.141	1.962.692.978
Chi phí khác bằng tiền	1.814.619.471	1.092.186.831
	8.281.340.820	5.412.912.219

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	174.692.226	192.298.260
Chi phí nhân công	7.725.349.107	6.499.672.464
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.893.092.389	1.626.541.756
Thuế, phí, lệ phí	134.567.561	78.514.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.883.256.520	1.424.729.675
Chi phí khác bằng tiền	3.693.873.260	1.472.523.460
	16.504.831.063	11.294.280.238

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.878.206.439	999.415.164
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.878.206.439	999.415.164
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN phải nộp năm nay	-	223.813.697
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	962.054.549	230.293.659
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.872.274.644)	(491.467.971)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	967.986.344	962.054.549

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	8.401.309.085	7.494.992.753
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.401.309.085	7.494.992.753
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.736.709	5.736.709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.464	1.306

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.993.069.629	93.995.110.301
Chi phí nhân công	40.192.608.746	32.706.101.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.741.866.362	11.036.237.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.314.297.480	12.111.283.046
Chi phí khác bằng tiền	6.949.445.670	8.507.887.482
	187.191.287.887	158.356.619.385

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Giá trị sổ kế toán				
31/12/2019			01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.337.673.823	-	32.394.596.963	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.211.388.613	(70.911.543)	29.319.943.162	(70.911.543)
Các khoản cho vay	40.346.902.137	-	33.491.997.184	-
Đầu tư dài hạn	100.199.200	-	62.829.200	-
	93.996.163.773	(70.911.543)	95.269.366.509	(70.911.543)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			2.769.220.065	9.642.719.975
Phải trả người bán, phải trả khác			17.226.811.337	24.051.504.879
Chi phí phải trả			409.904.727	-
			20.405.936.129	33.694.224.854

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Đầu tư dài hạn	-	100.199.200	-	100.199.200
	<u>-</u>	<u>100.199.200</u>	<u>-</u>	<u>100.199.200</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Đầu tư dài hạn	-	62.829.200	-	62.829.200
	<u>-</u>	<u>62.829.200</u>	<u>-</u>	<u>62.829.200</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.337.673.823	-	-	17.337.673.823
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.073.477.070	67.000.000	-	36.140.477.070
Các khoản cho vay	35.546.902.137	4.800.000.000	-	40.346.902.137
	<u>88.958.053.030</u>	<u>4.867.000.000</u>	<u>-</u>	<u>93.825.053.030</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Tại ngày 01/01/2019

Tiền và các khoản tương đương tiền	32.394.596.963	-	-	32.394.596.963
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.182.031.873	66.999.746	-	29.249.031.619
Các khoản cho vay	30.991.997.184	2.500.000.000	-	33.491.997.184
	92.568.626.020	2.566.999.746	-	95.135.625.766

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	2.769.220.065	-	-	2.769.220.065
Phải trả người bán, phải trả khác	17.226.811.337	-	-	17.226.811.337
Chi phí phải trả	409.904.727	-	-	409.904.727
	20.405.936.129	-	-	20.405.936.129
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	9.642.719.975	-	-	9.642.719.975
Phải trả người bán, phải trả khác	24.051.504.879	-	-	24.051.504.879
	33.694.224.854	-	-	33.694.224.854

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	141.783.466.316	59.768.520.664	201.551.986.980
Chi phí bộ phận trực tiếp	128.447.380.875	40.796.390.497	169.243.771.372
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.336.085.441	18.972.130.167	32.308.215.608
Tổng chi phí mua TSCĐ	5.854.669.528	14.642.774.411	20.497.443.939
Tài sản bộ phận trực tiếp	159.122.918.743	67.077.930.200	226.200.848.943
Tài sản không phân bổ	-	-	18.893.803.824
Tổng tài sản	159.122.918.743	67.077.930.200	245.094.652.767
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	20.277.224.735	8.547.821.245	28.825.045.980
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	912.336.138
Tổng nợ phải trả	20.277.224.735	8.547.821.245	29.737.382.118

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu	37.537.130	296.725.331
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	37.537.130	296.725.331
Lãi cho vay	175.068.000	242.587.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	175.068.000	242.587.000
Cổ tức được chia	376.000.000	376.000.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	376.000.000	376.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Số dư tại ngày kết thúc năm:





	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	30.153.000	48.836.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	30.153.000	48.836.000
Phải thu về cho vay	4.800.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4.800.000.000	2.500.000.000
Phải thu khác	1.128.000.000	752.000.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	1.128.000.000	752.000.000
Phải trả khác	700.000.000	4.450.000.000
Ông Hoàng Minh Anh Tú	-	2.750.000.000
Bà Trần Thị Huệ	700.000.000	1.700.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	764.914.490	333.962.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	1.230.517.695	1.863.217.463

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

 	 
Nguyễn Thị Xuân Người lập	Nguyễn Thị Xuân Kế toán trưởng
	Hoàng Minh Anh Tú Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2020



Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2020
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Hoàng Minh Anh Tú